

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1798*/BTC-ĐT
V/v dự thảo Nghị định riêng
thay thế nội dung quy định về
quản lý, thanh toán, quyết
toán niên độ ngân sách đối
với dự án sử dụng vốn đầu tư
công tại Nghị định số
99/2021/NĐ-CP ngày
11/11/2021 của Chính phủ

Hà Nội, ngày *14* tháng *2* năm 202*5*

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 11/11/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2021/NĐ-CP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Tuy nhiên, thời gian gần đây, một số cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung trên tinh thần phân cấp quản lý (Luật Đấu thầu, Luật Đất đai; Luật Đầu tư công, Luật NSNN...). Trên cơ sở những điểm mới của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đặc biệt trong điều kiện tổ chức lại bộ máy theo hướng rút gọn, cơ quan KBNN dự kiến sẽ giảm từ 63 đầu mối còn 20 KBNN; thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính dự thảo Nghị định riêng thay thế nội dung quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định (Phụ lục kèm theo). Trong đó tập trung một số nội dung mới như sau:

1. Quy định nguyên tắc thanh toán, hồ sơ pháp lý gửi kho bạc, hồ sơ thanh toán, tạm ứng, biểu mẫu kiểm soát theo hướng gắn với trách nhiệm trực tiếp và toàn diện của chủ đầu tư/ban quản lý dự án; đơn giản hóa hồ sơ pháp lý, hồ sơ thanh toán phù hợp với hệ thống dịch vụ công trực tuyến và phạm vi kiểm soát thanh toán của KBNN;

2. Các nội dung quy định phù hợp với những điểm mới của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật Xây dựng; Luật Đầu tư công; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia.

3. Quy định về việc tổ chức, triển khai, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính dự án đầu tư công.

Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Tài chính trước ngày 01/03/2025 (kèm theo bản điện tử tới địa chỉ email: Vudautu@mof.gov.vn) để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định. Trường hợp, sau ngày 01/03/2025, Bộ Tài chính chưa nhận được văn bản góp ý thì được hiểu là Quý cơ quan đồng ý với dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính mong nhận được sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục QLN&TCĐN;
- Cục Kế hoạch Tài chính;
- Kho bạc nhà nước;
- Vụ NSNN; Vụ TCHCSN;
- Vụ Pháp chế; Vụ I;
- Lưu: VT, Vụ ĐT (35b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng

Phụ lục

**TÀI LIỆU DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH RIÊNG THAY THẾ CÁC NỘI DUNG
VỀ QUẢN LÝ, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH
TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 99/2021/NĐ-CP NGÀY 11/11/2021 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo công văn số 1798/BTC-ĐT ngày 14/02/2025 của Bộ Tài Chính)



CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / /ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO LẦN 1

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định quản lý, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công cho dự án, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, quyết toán vốn đầu tư công nguồn NSNN theo niên độ, bao gồm:

1. Quản lý, thanh toán vốn đầu tư công, quyết toán vốn đầu tư công nguồn NSNN theo niên độ cho:

a) Dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công.

c) Dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

d) Các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia.

2. Đối với vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài bố trí cho **chương trình**, dự án đầu tư công: quy trình, thủ tục kiểm soát thanh toán thực hiện theo các quy định tại Nghị định này; riêng thủ tục rút vốn và quản lý rút vốn thực hiện theo điều ước quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. **Đối với trường hợp tạm ứng và thanh toán tạm ứng được quy định cụ thể tại Hiệp định vốn vay ODA khác với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định về tạm ứng và thanh toán tạm ứng tại Hiệp định vốn vay ODA.**

3. Nghị định này không quy định việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công để cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư

cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ; **vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.**

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán cho **nhiệm vụ**, dự án sử dụng vốn đầu tư công trong phạm vi quy định tại Điều 1 Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công bao gồm: Chính phủ, Bộ Tài chính, cơ quan tài chính các cấp và các cơ quan được giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền kiểm soát, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Dự án đầu tư công bí mật nhà nước là dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước có độ mật gồm Mật, Tối mật, Tuyệt mật thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Dự án đầu tư công tại nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

4. Giải ngân vốn đầu tư công đối với vốn trong nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư là việc cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện tạm ứng vốn, thanh toán khối lượng hoàn thành (bao gồm cả thanh toán để thu hồi vốn tạm ứng) cho nhiệm vụ, dự án trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư; giải ngân vốn đầu tư công đối với vốn nước ngoài theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

5. Tạm ứng vốn là việc cơ quan kiểm soát, thanh toán chuyển tiền trước cho cá nhân, đơn vị thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư để thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết triển khai các công việc của nhiệm vụ, dự án.

6. Thanh toán khối lượng hoàn thành là việc cơ quan kiểm soát, thanh toán chuyển tiền cho cá nhân, đơn vị thụ hưởng (hoặc thanh toán để thu hồi vốn tạm ứng) theo đề nghị của chủ đầu tư để thanh toán cho phần giá trị khối lượng công việc đã thực hiện, được các bên nghiệm thu, xác định là công việc hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận, đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo quy định hiện hành. Riêng thanh toán khối lượng hoàn thành đối với các **hợp đồng** bảo hiểm của dự án đầu tư là việc thanh toán hợp đồng được ký kết; đối với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán là việc chủ đầu tư thanh toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo văn bản đề nghị của cơ quan này.

7. Thanh toán trước kiểm soát sau vốn đầu tư công là hình thức thanh toán áp dụng đối với một số khoản chi. Trong đó, cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thanh toán ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ theo quy định tại Nghị định này. Việc kiểm soát chi và xử lý kết quả kiểm tra được cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện sau khi đã thanh toán khoản chi.

8. Tabmis là hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

9. Vốn nước ngoài thuộc nguồn ngân sách nhà nước gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (kể cả vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước).

10. Vốn trong nước là vốn ngân sách nhà nước (kể cả vốn trái phiếu Chính phủ) không bao gồm vốn nước ngoài quy định tại khoản 10 Điều này.

Chương II

QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán

1. Cơ quan Kho bạc Nhà nước thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước dành để đầu tư.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện kiểm soát thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của đơn vị mình.

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an căn cứ vào nhiệm vụ, phân cấp quản lý, ủy quyền cho một cơ quan làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thông báo cho Bộ Tài chính.

Điều 5. Mở tài khoản

1. Mở tài khoản để thực hiện thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước:

a) Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm chủ đầu tư dự án thành phần) mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch. Cơ quan chủ quản có thể thay mặt chủ đầu tư (trong trường hợp chủ đầu tư không ở trong nước) mở tài khoản cho dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn.

b) Việc mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án

đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận vốn ngân sách nhà nước giải ngân cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

b) Việc mở tài khoản để thanh toán thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

3. Mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư công cho nhiệm vụ, dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định về quản lý đầu tư công, ngân sách nhà nước, quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Nghị định này.

2. Chủ đầu tư sử dụng vốn đầu tư công chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng các quy định của pháp luật liên quan đến dự án, nhiệm vụ đầu tư công do mình quản lý. Chủ đầu tư nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm toàn diện đối với các hồ sơ pháp lý, tạm ứng, thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành đã gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán.

3. Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư công, sử dụng vốn đầu tư công đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cơ quan tài chính các cấp thực hiện công tác quản lý tài chính đầu tư công trong việc chấp hành chế độ, chính sách về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật hiện hành và tại Nghị định này.

5. Cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho các nhiệm vụ, dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

6. Đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài:

a) Hợp đồng đã ký kết, pháp luật hiện hành của nước sở tại, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là căn cứ pháp lý thực hiện quản lý, tạm ứng, thanh toán vốn cho dự án đầu tư công tại nước ngoài.

b) Cơ quan chủ quản thay mặt chủ đầu tư đề nghị và thực hiện giao dịch thanh toán vốn đầu tư công với cơ quan kiểm soát, thanh toán.

Điều 7. Nguyên tắc kiểm soát, thanh toán của cơ quan kiểm soát, thanh toán

1. Vốn đầu tư công thanh toán cho từng công việc, hạng mục của nhiệm vụ, dự án không được vượt dự toán được xác định tại Bảng tổng hợp thông tin Dự toán đối với trường hợp tự thực hiện hoặc thực hiện không theo hợp đồng; không được vượt giá trị hợp đồng được xác định tại Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng đối với trường hợp thanh toán theo hợp đồng. Tổng số vốn thanh toán cho nhiệm vụ, dự án không được vượt dự toán của nhiệm vụ, tổng mức đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Số vốn đầu tư công giải ngân cho nhiệm vụ, dự án trong năm cho các công việc, hạng mục của nhiệm vụ, dự án không vượt vốn kế hoạch trong năm đã bố trí cho nhiệm vụ, dự án.

2. Cơ quan kiểm soát, thanh toán căn cứ kế hoạch vốn phân bổ chi tiết đủ điều kiện thanh toán, đề nghị của chủ đầu tư và các điều kiện về hồ sơ theo quy định tại Nghị định này để **thanh toán vốn cho nhiệm vụ, dự án**.

Trường hợp hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn của dự án do chủ đầu tư gửi chưa đảm bảo đúng chế độ hoặc thiếu hồ sơ theo quy định tại Nghị định này, cơ quan kiểm soát, thanh toán từ chối thanh toán và chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan kiểm soát, thanh toán phải có văn bản thông báo cụ thể lý do từ chối thanh toán gửi một lần cho chủ đầu tư để hoàn thiện, bổ sung theo quy định của Nghị định này.

3. Đối với các chi phí được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trong tổng mức đầu tư (**không theo hợp đồng hoặc dự toán được duyệt**) cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán **theo tỷ lệ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư**.

4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần giải ngân cho đến khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng thì chuyển sang hình thức “kiểm soát trước, thanh toán sau” cho từng lần giải ngân của hợp đồng. Cơ quan kiểm soát, thanh toán hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát, thanh toán trong hệ thống, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định hiện hành.

5. Đối với dự án đầu tư công bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

Cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán tiến hành kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công cho các đơn vị thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về việc kiểm soát, thanh toán do mình thực hiện.

6. Cách thức giao dịch tại cơ quan kiểm soát, thanh toán (giao dịch trực tiếp tại cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc giao dịch điện tử):

a) Đối với trường hợp giao dịch tại hệ thống Kho bạc Nhà nước, cách thức thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

b) Đối với trường hợp giao dịch qua cơ quan kiểm soát, thanh toán khác, cách thức giao dịch theo quy định của cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi thực hiện giao dịch.

Mục 1 **QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG** **NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 8. Kiểm tra phân bổ vốn hàng năm

1. Nội dung phân bổ:

Sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch (bao gồm kế hoạch giao đầu năm, bổ sung hoặc điều chỉnh trong năm ngân sách), các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (trường hợp được cấp trên phân cấp thực hiện phân bổ) triển khai các nội dung sau:

a) Thực hiện phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho từng nhiệm vụ, dự án theo các tiêu chí tại Mẫu số 01a/PB, điều chỉnh phân bổ chi tiết vốn kế hoạch (nếu có) theo các tiêu chí tại Mẫu số 01b/PB kèm theo Nghị định này gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thực hiện việc quản lý, điều hành dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật hiện hành, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho từng nhiệm vụ, dự án gửi Bộ Tài chính để quản lý, tổng hợp, báo cáo, có ý kiến bằng văn bản trong trường hợp phân bổ chưa đúng quy định, chưa đủ điều kiện giải ngân.

b) Thực hiện giao chi tiêu và giao chi tiết vốn kế hoạch đầy đủ các tiêu chí tại Mẫu số 01a/PB, điều chỉnh chi tiết vốn kế hoạch (nếu có) đầy đủ các tiêu chí tại Mẫu số 01b/PB cho các chủ đầu tư để thực hiện, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch để có căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn.

c) Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương thực hiện phân bổ chi tiết vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau (trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau theo quy định) cho các nhiệm vụ, dự án của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trực thuộc và cấp dưới như đối với kế hoạch được giao trong năm.

d) Thời gian thực hiện phân bổ chi tiết và giao kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm cho các nhiệm vụ, dự án phải trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch hoặc theo thời gian quy định cụ thể trong quyết định giao, bổ

sung hoặc điều chỉnh vốn kế hoạch trong năm ngân sách của cấp có thẩm quyền. Trường hợp trong quyết định giao, bổ sung hoặc điều chỉnh vốn kế hoạch trong năm ngân sách của cấp có thẩm quyền không quy định thời hạn, chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền, các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị dự toán cấp I ở địa phương phải hoàn thành việc phân bổ và giao chi tiết kế hoạch theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

2. Kiểm tra phân bổ:

a) Đối với nhiệm vụ, dự án do các bộ, cơ quan trung ương quản lý:

Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công của các bộ, cơ quan trung ương, Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra phân bổ vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp phát hiện việc phân bổ vốn không đúng danh mục, tổng mức, cơ cấu vốn chi tiết theo ngành, lĩnh vực, nhiệm vụ (nếu có), không đúng chính sách chế độ quy định, Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản gửi các bộ, cơ quan trung ương đề nghị điều chỉnh lại theo đúng quy định, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán (cấp trung ương và nơi giao dịch) để không thanh toán đối với các nhiệm vụ, dự án phân bổ vốn chưa đúng quy định. Trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư của các nhiệm vụ, dự án được phân bổ vốn không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã giải ngân (nếu có).

Trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan trung ương điều chỉnh lại và gửi văn bản phân bổ vốn điều chỉnh cho Bộ Tài chính, cơ quan kiểm soát, thanh toán (cấp trung ương và nơi giao dịch) để làm căn cứ thanh toán cho các nhiệm vụ, dự án đã đủ điều kiện. Trường hợp không thống nhất với ý kiến của Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan trung ương có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và chủ đầu tư không được thanh toán đối với phần vốn Bộ Tài chính yêu cầu xem xét phân bổ lại.

b) Đối với các dự án do địa phương quản lý:

Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư của đơn vị dự toán cấp I ở địa phương, cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra phân bổ vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp phát hiện việc phân bổ vốn không đúng danh mục, tổng mức, cơ cấu vốn chi tiết theo lĩnh vực, nhiệm vụ (nếu có), không đúng chính sách chế độ quy định, cơ quan tài chính có ý kiến gửi đơn vị dự toán cấp I đề nghị điều chỉnh lại theo đúng quy định, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch để không thanh toán đối với các nhiệm vụ, dự án được phân bổ chưa đúng quy định. Trong phạm vi 07 ngày

làm việc, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư các nhiệm vụ, dự án được phân bổ vốn không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã giải ngân (nếu có).

Trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I thực hiện điều chỉnh lại và gửi văn bản phân bổ vốn điều chỉnh cho cơ quan tài chính, cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch để thanh toán cho dự án đã đủ điều kiện. Trường hợp không thống nhất với ý kiến của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I có ý kiến báo cáo Ủy ban nhân dân (cơ quan giao dự toán) xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ Ủy ban nhân dân (cơ quan giao dự toán) xem xét, quyết định, đơn vị dự toán cấp I và chủ đầu tư không được thanh toán đối với phần vốn cơ quan tài chính yêu cầu xem xét phân bổ lại.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trên Tabmis theo phân cấp và quy định hiện hành.

Điều 9. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn của dự án

1. Hồ sơ pháp lý của nhiệm vụ, dự án (gửi một lần khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung):

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

- Quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ quy hoạch của cấp có thẩm quyền đối với nhiệm vụ quy hoạch; Quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (trừ trường hợp nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã có trong Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền đối với thực hiện dự án; Các quyết định hoặc văn bản điều chỉnh (nếu có);

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện (đối với trường hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp Chủ đầu tư được phép tự thực hiện theo quy định pháp luật); văn bản giao khoán nội bộ (đối với trường hợp giao khoán nội bộ);

- Bảng tổng hợp thông tin Hợp đồng đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng (Chủ đầu tư lập theo hợp đồng đã ký và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng) (có chữ ký xác nhận của Chủ đầu tư và nhà thầu) (Mẫu số 02a/TT);

- Bảng tổng hợp thông tin Dự toán chi phí đối với trường hợp không thực hiện theo hợp đồng (Chủ đầu tư lập theo dự toán chi phí đã được duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng, có chữ ký xác nhận của Chủ đầu tư) (Mẫu số 02b); Bảng tổng hợp thông tin **Dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch** được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp chủ

đầu tư, ban quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm). (Mẫu số 02.c/TT)

- Bảng tổng hợp thông tin Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Chủ đầu tư lập theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng, có chữ ký xác nhận của Chủ đầu tư) (Mẫu số 02.d/TT);

- Quyết định giao quyền tự chủ tài chính của cấp có thẩm quyền (đối với đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính mà chưa quy định trong quyết định thành lập đơn vị); Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; Quyết định thành lập ban quản lý dự án hoặc văn bản quy định về tổ chức biên chế ban quản lý dự án của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản phê duyệt chỉ tiêu biên chế do cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Đối với các dự án sử dụng vốn nước ngoài, trong trường hợp có sử dụng vốn dự cần bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng vốn dự theo quy định

2. Hồ sơ tạm ứng vốn (gửi theo từng lần đề nghị tạm ứng vốn), bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);

b) Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT);

c) Văn bản bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (bản chính hoặc sao y bản chính theo quy định) đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

d) Kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (toàn bộ hoặc một phần) của tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng giao cho chủ đầu tư theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng (đối với hợp đồng thi công xây dựng)

3. Hồ sơ thanh toán (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành):

a) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện thông qua hợp đồng (gồm hợp đồng xây dựng, hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng), hồ sơ thanh toán gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);

- Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT);

- Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT);

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT);

- Văn bản bảo lãnh bảo hành của tổ chức tín dụng đối với trường hợp chủ đầu tư đề nghị thanh toán hết khối lượng nghiệm thu hoàn

thành của hợp đồng trong thời gian bảo hành công trình trong trường hợp hợp đồng quy định hình thức bảo lãnh để đảm bảo bảo hành.

b) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng:

- Đối với bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT), Giấy đề nghị thu hồi tạm ứng vốn (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT), Bảng kê giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện (Mẫu số 03.b/TT)- Mẫu mới,

- Đối với chi phí **đảm bảo** cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT); Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT); **Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT).**

- Đối với trường hợp khác mà khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng (**bao gồm cả chi phí quản lý dự án**), hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), (Mẫu số 05.a/TT), Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT), **Bảng kê xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT);**

c) Đối với việc xây dựng các công trình (kể cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng) để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và các điểm a, b, d, đ khoản 3 Điều này.

d) Đối với nhiệm vụ, dự án đã hoàn thành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Quyết định phê duyệt quyết toán, Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT).

đ) Đối với các **hợp đồng** bảo hiểm, hợp đồng kiểm toán: hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 0.a/TT).

e) Đối với lệ phí thẩm định, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT); **Thông báo thu phí, lệ phí.**

4. Hồ sơ đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia:

Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán của dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này. Riêng đối với dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp (dự án nhóm C có quy mô nhỏ) có sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia do Ủy ban nhân

dân cấp xã quản lý, hồ sơ pháp lý gồm:

- a) Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;
- b) Văn bản phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo **Bảng tổng hợp thông tin dự toán** chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (**Mẫu 02a- Mới**) (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư); Văn bản phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với thực hiện dự án);
- c) Bảng tổng hợp thông tin Hợp đồng đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng do Chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm (có chữ ký xác nhận của Chủ đầu tư và nhà thầu) (Mẫu số 02b).

5. Hồ sơ đối với các khoản chi từ tài khoản tiền gửi của các đơn vị giao dịch mà cơ quan kiểm soát, thanh toán phải kiểm soát, thanh toán: theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Hồ sơ đối với trường hợp chi từ tài khoản tiền gửi mà cơ quan kiểm soát, thanh toán không phải kiểm soát là **Ủy nhiệm chi (Mẫu số 05.b,c,d,e/TT)**.

6. Hồ sơ đối với chi phí quản lý dự án trong trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý nhiều dự án:

Hồ sơ để chuyên kinh phí quản lý dự án từ tài khoản dự toán vào tài khoản tiền gửi gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT).

Hồ sơ tạm ứng chi phí quản lý dự án từ tài khoản tiền gửi (gửi từng lần khi có đề nghị tạm ứng) gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), **Ủy nhiệm chi (Mẫu số 05.b,c,d,e/TT)**.

Hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT), Giấy đề nghị thu hồi tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT), Bảng phân bổ chi phí quản lý dự án đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí quản lý dự án (Mẫu số 11/QLDA),

7. Hồ sơ thu hồi vốn ứng trước:

- **Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao để thu hồi vốn ứng trước.**

- **Giấy đề nghị thu hồi vốn ứng trước do Chủ đầu tư lập (Mẫu 04.c/TT).**

Điều 10. Tạm ứng vốn

1. Nguyên tắc tạm ứng vốn:

a) Đối với công việc thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng hoặc **thực hiện thông qua hợp đồng của dự án không có cấu phần xây dựng:**

Việc tạm ứng vốn được thực hiện căn cứ đề nghị của Chủ đầu tư và Bảng thông tin hợp đồng do Chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm. Chủ đầu

tư đề nghị tạm ứng đảm bảo các nguyên tắc như sau:

- Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực và chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng) với giá trị tương đương của khoản tiền tạm ứng. Riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng, trường hợp có giải phóng mặt bằng thì phải có kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (toàn bộ hoặc một phần) của tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng giao cho chủ đầu tư theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

- Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng lần đầu và các nội dung khác **đảm bảo việc thu hồi hết tạm ứng theo quy định tại khoản 3 Điều này** do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định phải được ghi cụ thể trong hợp đồng và phải phù hợp với tiến độ đầu tư dự án, tiến độ thực hiện hợp đồng và khối lượng thực hiện theo từng năm.

- Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, chủ đầu tư có thể tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng đảm bảo tổng mức vốn tạm ứng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định của hợp đồng và không vượt mức vốn tạm ứng tối đa quy định tại khoản 3 Điều này.

- Trường hợp hợp đồng quy định tạm ứng, nhưng Chủ đầu tư không thực hiện tạm ứng mà đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành thì Chủ đầu tư không phải tạm ứng mà được thanh toán khối lượng hoàn thành.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức vốn tạm ứng hợp lý và tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 3 Điều này, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm thu hồi đủ số vốn đã tạm ứng.

b) Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

Việc tạm ứng vốn được thực hiện căn cứ đề nghị của Chủ đầu tư và Bảng thông tin Dự toán do Chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm. Chủ đầu tư đề nghị tạm ứng căn cứ các nguyên tắc như sau:

- Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi dự toán chi phí thực hiện công việc hoặc phương án giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư.

- Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, chủ đầu tư có thể tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần đảm bảo tổng mức vốn tạm ứng không vượt mức vốn tạm ứng tối đa quy định tại khoản 3 Điều này.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý và tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 3 Điều này, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm thu hồi đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

2. Bảo lãnh tạm ứng:

a) Đối với các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng lớn hơn 01 tỷ đồng yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng:

Chủ đầu tư gửi đến cơ quan kiểm soát, thanh toán bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu hoặc nhà cung cấp với giá trị của từng loại tiền tương đương khoản tiền tạm ứng trước khi cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện việc chuyển tiền tạm ứng hợp đồng cho chủ đầu tư để thực hiện tạm ứng vốn cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp.

Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu. Chủ đầu tư đảm bảo và chịu trách nhiệm về giá trị của bảo lãnh tạm ứng phải tương ứng với số dư tiền tạm ứng còn lại.

Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng và trong văn bản bảo lãnh tạm ứng. Trường hợp bảo lãnh tạm ứng hết thời hạn, chủ đầu tư có trách nhiệm làm thủ tục gia hạn bảo lãnh tạm ứng và gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán để làm căn cứ kiểm soát chi theo quy định. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi về thời gian hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng.

b) Các trường hợp không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng:

- Hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng. **Riêng hợp đồng đơn giản, quy mô nhỏ, chủ đầu tư xem xét, quyết định việc thực hiện bảo lãnh tạm ứng hợp đồng đảm bảo phù hợp với tính chất công việc của hợp đồng và giảm bớt thủ tục không cần thiết.**

- Hợp đồng xây dựng theo hình thức tự thực hiện bao gồm cả hình thức do cộng đồng dân cư thực hiện theo các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hợp đồng thuê tư vấn quản lý dự án.

- Các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng và công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (trừ trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình).

- Các trường hợp tạm ứng chi phí ban quản lý dự án cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án.

3. Mức vốn tạm ứng:

a) Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng (bao gồm hợp đồng xây dựng và hợp đồng của dự án không có cấu phần xây dựng):

Tổng mức vốn tạm ứng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư đảm bảo không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có). Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép. Đối với dự án mà người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang

bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Người quyết định mức tạm ứng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và quản lý việc sử dụng số vốn tạm ứng **đảm bảo hiệu quả**, đúng quy định của pháp luật.

b) Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

- Tổng mức vốn tạm ứng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư đảm bảo không vượt quá 30% dự toán chi phí cho khối lượng công việc thực hiện được duyệt. Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép. Đối với dự án mà người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Người quyết định mức tạm ứng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và quản lý việc sử dụng số vốn tạm ứng **đảm bảo hiệu quả**, đúng quy định của pháp luật.

- Riêng đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (**bao gồm cả chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**): mức vốn tạm ứng theo kế hoạch, tiến độ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; mức vốn tạm ứng tối đa theo yêu cầu không vượt số tiền trong **Bảng thông tin về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gửi Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán**; trường hợp chủ đầu tư trực tiếp chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì căn cứ vào hồ sơ tài liệu liên quan để chi trả cho người thụ hưởng; trường hợp đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi trả thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mở tài khoản tiền gửi tại cơ quan kiểm soát, thanh toán để tiếp nhận vốn tạm ứng do chủ đầu tư chuyển đến để thực hiện chi trả.

- Riêng đối với chi phí quản lý dự án: mức vốn tạm ứng không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án và dự toán chi phí quản lý dự án năm kế hoạch (trường hợp chủ đầu tư, ban quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Vốn tạm ứng cho tất cả các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này không được vượt kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền phân bổ cho dự án.

5. Thu hồi vốn tạm ứng:

a) Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).

b) Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư, **tổ chức chi trả (trường hợp chi trả qua tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư)** tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày chi

trả cho người thụ hưởng, không chờ đến khi hoàn thành toàn bộ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mới làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

Đối với chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: chủ đầu tư lập Bảng thông tin giá trị khối lượng hoàn thành (Mẫu 03.a/TT) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của giá trị đề nghị thanh toán; trường hợp tổng số đã thanh toán lớn hơn số quyết toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), chủ đầu tư có trách nhiệm nộp lại NSNN phần chênh lệch.

c) Đối với chi phí quản lý dự án: chủ đầu tư lập bảng thông tin giá trị khối lượng hoàn thành (mẫu 03.a/TT) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng. Chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến cơ quan kiểm soát, thanh toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của giá trị khối lượng hoàn thành và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt.

Trường hợp ban quản lý dự án, chủ đầu tư trực tiếp quản lý nhiều dự án, định kỳ hàng quý hoặc 06 tháng và hết năm kế hoạch, chủ đầu tư phân bổ chi phí quản lý dự án (khối lượng công việc hoàn thành theo dự toán) cho từng dự án gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng (Mẫu số 09/QLDA).

d) Đối với hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị: căn cứ vào **Bảng thông tin hợp đồng do Chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm**, đảm bảo thu hồi hết khi khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng.

6. Kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn:

a) Cơ quan kiểm soát, thanh toán đôn đốc chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng; phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo dõi số vốn đã tạm ứng để đôn đốc chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhằm thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích. Cơ quan kiểm soát, thanh toán kiểm soát số dư tạm ứng để đảm bảo thu hồi hết số vốn đã tạm ứng theo quy định tại khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều này.

b) Trước ngày 03 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập báo cáo tổng hợp tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng của từng dự án (Mẫu 08.a/SDTU) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch, chủ đầu tư dự án và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư, các lý do, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.

Trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư của từng dự án (Mẫu 08.a/TT) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch, cơ quan tài chính đồng cấp với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, nêu rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo, các lý do, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.

c) Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trước ngày 10 tháng 7 năm kế hoạch và trước ngày 28 tháng 02 năm sau năm kế hoạch, **trên cơ sở báo cáo đánh giá tình hình và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư của chủ đầu tư**, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi cơ quan tài chính đồng cấp (Mẫu số 08.b/SDTU), trong đó phân loại cụ thể số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo, nêu các lý do, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp, Bộ Tài chính có công văn đề nghị các bộ, cơ quan trung ương có biện pháp thu hồi vốn tạm ứng quá hạn đối với dự án do các bộ, cơ quan trung ương quản lý, sở tài chính, phòng tài chính - kế hoạch cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp đề có biện pháp thu hồi vốn tạm ứng quá hạn đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý.

d) Thời hạn thu hồi vốn tạm ứng:

- Đối với các công việc của dự án thực hiện theo hợp đồng (bao gồm cả hợp đồng xây dựng và hợp đồng của dự án không có cấu phần xây dựng): vốn tạm ứng quá hạn thu hồi sau 03 tháng kể từ thời điểm phải thu hồi **hết số** vốn tạm ứng theo quy định mà nhà thầu chưa thực hiện hoặc khi phát hiện nhà thầu sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan kiểm soát, thanh toán để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư chưa thu hồi, cơ quan kiểm soát, thanh toán có văn bản đề nghị chủ đầu tư thu hồi của nhà thầu hoặc đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo nghĩa vụ bảo lãnh khi nhà thầu vi phạm cam kết với chủ đầu tư về việc sử dụng vốn tạm ứng.

- **Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:**

+ Đối với trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và trường hợp đang có tranh chấp: Đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chuyên toàn bộ số tiền tạm ứng về tài khoản tiền gửi của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn.

+ Đối với số tạm ứng còn lại không gửi tại NHTM, vốn tạm ứng quá hạn thu hồi sau 03 tháng kể từ thời điểm tạm ứng vốn chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan kiểm soát, thanh toán yêu cầu tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chuyển toàn bộ số dư tạm ứng về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan kiểm soát, thanh toán để thuận tiện cho việc kiểm soát, thanh toán và thu hồi vốn tạm ứng.

Sau thời hạn trên, trường hợp tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chưa chuyển toàn bộ số tiền dư tạm ứng quá hạn về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan kiểm soát, thanh toán thì trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán được phép trích từ tài khoản tiền gửi của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mở tại cơ quan kiểm soát, thanh toán vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan kiểm soát, thanh toán và thông báo cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Sau thời hạn 01 năm kể từ ngày chuyển tiền về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan kiểm soát, thanh toán mà chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư không làm thủ tục nộp lại ngân sách nhà nước, thì cơ quan kiểm soát, thanh toán được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để nộp ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư.

- Đối với các công việc khác thực hiện không thông qua hợp đồng, vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm tạm ứng mà chủ đầu tư chưa thu hồi vốn tạm ứng, cơ quan kiểm soát, thanh toán có văn bản đề nghị chủ đầu tư hoàn trả số vốn đã tạm ứng, trừ trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền (người phê duyệt dự toán) cho phép kéo dài thời hạn thu hồi vốn tạm ứng để hoàn thành các khối lượng do các nguyên nhân khách quan hoặc trường hợp tạm ứng chi phí quản lý dự án cho các ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực. Sau thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm phải hoàn trả số vốn đã tạm ứng mà chủ đầu tư chưa thực hiện hoàn trả thì cơ quan kiểm soát, thanh toán được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để thu về ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư.

Điều 11. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng (bao gồm hợp đồng xây dựng và hợp đồng của dự án không có cấu phần xây dựng):

a) Việc thanh toán được thực hiện căn cứ đề nghị của Chủ đầu tư và Bảng thông tin hợp đồng do Chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm. Chủ đầu tư đề nghị thanh toán căn cứ các nguyên tắc như sau:

- Việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành. h) Việc điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo các quy định hiện hành về hợp đồng.

b) Trường hợp cần tạm giữ chưa thanh toán cho nhà thầu một khoản tiền nhất định hoặc một tỷ lệ nhất định so với khối lượng hoàn thành để phục vụ công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, chủ đầu tư thỏa thuận với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng. Khoản tạm giữ nêu trên được chuyển vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại Kho bạc Nhà nước để quản lý, thanh toán theo quy định. **Trường hợp hợp đồng có quy định bảo lãnh tại tổ chức tín dụng thì thực hiện thanh toán theo quy định hợp đồng.**

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán trên căn cứ bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của giá trị đề nghị thanh toán theo **Bảng thông tin dự toán chi phí thực hiện công việc** phù hợp với tính chất từng loại công việc.

3. Đối với nhiệm vụ, dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, cơ quan kiểm soát, thanh toán căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt và vốn kế hoạch được giao trong năm của dự án để kiểm soát, thanh toán cho dự án.

Điều 12. Quản lý, thanh toán, thu hồi vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau

1. Việc ứng trước vốn từ dự toán ngân sách nhà nước năm sau được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định của Chính phủ về việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

2. Cơ quan chủ quản phân bổ vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau đúng danh mục và mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao. Việc kiểm tra phân bổ và **kiểm soát thanh toán vốn ứng trước từ dự toán ngân sách năm sau** được thực hiện như đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch trong năm ngân sách.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau trên Tabmis theo phân cấp và quy định hiện hành.

4. Thời hạn sử dụng vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau: thực hiện như quy định về thời hạn thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trong năm ngân sách được cấp có thẩm quyền cho phép ứng

trước dự toán năm sau. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về thời hạn sử dụng đối với vốn ứng trước thuộc nguồn ngân sách trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định về thời hạn sử dụng đối với vốn ứng trước thuộc nguồn ngân sách địa phương của cấp mình quản lý nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau.

5. Số vốn ứng trước chưa sử dụng, khi hết thời hạn thực hiện và giải ngân được xử lý như vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trong năm ngân sách.

6. Thu hồi vốn ứng trước: các cơ quan chủ quản có trách nhiệm bố trí vốn cho dự án trong dự toán ngân sách nhà nước năm sau để hoàn trả vốn ứng trước. Cơ quan chủ quản, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện thủ tục thu hồi vốn ứng trước từ số vốn kế hoạch được cấp có thẩm quyền bố trí để thu hồi trong năm ngân sách.

a) Đối với vốn ứng trước thuộc nguồn ngân sách trung ương: trường hợp bộ, cơ quan trung ương không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn kế hoạch tối thiểu để thu hồi vốn ứng trước theo quyết định giao kế hoạch hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính có văn bản thông báo cho cơ quan đó biết để bố trí đủ vốn kế hoạch thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định. Trường hợp sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài chính mà các bộ, cơ quan trung ương không thực hiện bố trí đủ số vốn kế hoạch để thu hồi theo quyết định giao kế hoạch hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời có văn bản yêu cầu cơ quan kiểm soát, thanh toán tạm dừng thanh toán đối với dự án chưa đảm bảo việc thu hồi vốn ứng trước, chờ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với vốn ứng trước từ ngân sách địa phương hoặc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: trường hợp đơn vị dự toán cấp I ở địa phương không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn kế hoạch để thu hồi theo quy định, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch có văn bản thông báo cho đơn vị đó biết để bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định. Trường hợp sau 10 ngày làm việc kể từ ngày các đơn vị nhận được văn bản của cơ quan tài chính nhưng các đơn vị không thực hiện bố trí thu hồi kế hoạch vốn theo quyết định giao thì Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, đồng thời có văn bản đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán tạm dừng thanh toán đối với dự án chưa đảm bảo việc thu hồi vốn ứng trước, chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 13. Quy định về thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn của cơ quan kiểm soát, thanh toán

1. Về thời hạn tạm ứng vốn:

Vốn kế hoạch hàng năm của dự án được tạm ứng đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch (trừ trường hợp tạm ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch).

2. Về thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành:

Vốn kế hoạch hàng năm của dự án được thanh toán cho khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch, thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn tạm ứng).

3. Trường hợp kéo dài thời gian giải ngân vốn theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn luật hiện hành của Chính phủ, thời hạn giải ngân theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Thời gian kiểm soát, thanh toán vốn: tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư theo quy định tại Nghị định này. Đối với các khoản tạm ứng vốn hoặc thực hiện thanh toán theo hình thức “thanh toán trước, kiểm soát sau”, thời hạn kiểm soát, thanh toán trong 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

Điều 14. Quy định riêng đối với quản lý, thanh toán vốn cho dự án sử dụng vốn nước ngoài

1. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn của dự án:

a) Hồ sơ pháp lý của dự án (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung): thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này; bản dịch bằng tiếng Việt thỏa thuận về ODA, vốn vay ưu đãi được ký giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ (có chữ ký và dấu của chủ dự án); các thỏa thuận, thư hoặc văn bản “ý kiến không phản đối” của nhà tài trợ (nếu có).

b) Hồ sơ tạm ứng, thanh toán: theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Trường hợp hợp đồng quy định sử dụng chứng chỉ thanh toán tạm thời thay thế bằng xác định giá trị công việc hoàn thành, đơn vị gửi chứng chỉ thanh toán tạm thời ký giữa chủ đầu tư (chủ dự án) và nhà thầu.

Trường hợp xác nhận tại Kho bạc Nhà nước, thanh toán tại ngân hàng phục vụ, ngoài các hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư (chủ dự án) không phải gửi giấy rút vốn.

2. Chủ đầu tư (chủ dự án) có trách nhiệm lập sao kê chi tiêu, đảm bảo việc giải ngân vốn nước ngoài đúng quy định trên nguyên tắc mỗi xác nhận thanh toán vốn chỉ được sử dụng cho một lần giải ngân.

3. Đối với phương thức rút vốn về tài khoản đặc biệt, chủ đầu tư (chủ dự án) có trách nhiệm báo cáo chi tiêu và gửi đơn hoàn chứng từ hàng tháng. Thời hạn hoàn chứng từ cho Bộ Tài chính đối với các khoản chi tiêu từ tài khoản đặc biệt không vượt quá 06 tháng. Trường hợp sau 06 tháng chủ đầu tư (chủ dự án) không thực hiện hoàn chứng từ, các khoản giải ngân tiếp theo áp dụng hình thức thanh toán trực tiếp.

Điều 15: Cách thức thực hiện đối với việc kiểm soát, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước:

1. Cách thức gửi hồ sơ:

a) Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Kho bạc Nhà nước.

b) Gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

2. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp giao dịch trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước:

- Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án lập và gửi hồ sơ tới Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

- Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án; đồng thời, gửi đơn vị 01 liên chứng từ giấy (chứng từ báo Nợ) để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước lập thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị.

b) Trường hợp giao dịch trực tuyến qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước:

- Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án lập và gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng và gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước.

- Đối với các khoản chi được thực hiện theo hình thức thanh toán trước, kiểm soát sau trong trường hợp giao dịch trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc thực hiện qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, thì Kho bạc Nhà nước tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp; đồng thời, gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực

hiện thanh toán. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát hồ sơ theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo kết quả kiểm soát chi cho đơn vị (trong đó, nêu rõ lý do từ chối thanh toán); sau đó, xử lý thu hồi giảm trừ giá trị thanh toán vào lần thanh toán liền kề tiếp theo. Trường hợp lần thanh toán liền kề tiếp theo không đủ khối lượng công việc hoàn thành hoặc kế hoạch vốn để giảm trừ thì Kho bạc Nhà nước có văn bản yêu cầu đơn vị thực hiện thu hồi giảm chi ngân sách nhà nước (trường hợp chưa quyết toán ngân sách), thực hiện nộp ngân sách nhà nước (đối với trường hợp đã quyết toán ngân sách).

3. Số lượng hồ sơ:

Số lượng của từng thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định này là 01 bản (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y bản chính). Riêng giấy rút vốn là 02 bản gốc (trường hợp thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng hoặc trường hợp đơn vị giao dịch và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng mở tài khoản tại một đơn vị Kho bạc Nhà nước thì bổ sung thêm 01 bản gốc tương ứng với mỗi trường hợp); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy đề nghị thu hồi vốn là 02 bản gốc.

Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký chữ ký số theo quy định.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Đối với các khoản tạm ứng hoặc các khoản chi thực hiện theo hình thức "*thanh toán trước, kiểm soát sau*": trong 01 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án.

b) Đối với các khoản thanh toán: chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án.

5. Đối tượng thực hiện: các chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án của dự án sử dụng vốn đầu tư công.

6. Cơ quan giải quyết: hệ thống Kho bạc Nhà nước (trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện).

7. Kết quả thực hiện:

a) Trường hợp Kho bạc Nhà nước chấp thuận đề nghị thanh toán, tạm ứng: Xác nhận của Kho bạc Nhà nước trực tiếp trên giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, giấy rút vốn. Trường hợp chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước gửi

chứng từ báo Nợ cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước để xác nhận đã thực hiện thanh toán, tạm ứng.

b) Trường hợp Kho bạc Nhà nước từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng: Kho bạc Nhà nước thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, tạm ứng của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

8. Phí, lệ phí: Không.

Điều 16: Cách thức thực hiện đối với việc kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước

1. Cách thức gửi hồ sơ:

a) Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Kho bạc Nhà nước.

b) Gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

2. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp giao dịch trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước:

- Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án lập và gửi hồ sơ tới Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

- Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án; đồng thời, gửi đơn vị 01 liên chứng từ giấy (chứng từ báo Nợ) để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước lập thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị.

b) Trường hợp giao dịch trực tuyến qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước:

- Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án lập và gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng và gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng

chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước.

- Đối với các khoản chi được thực hiện theo hình thức thanh toán trước, kiểm soát sau trong trường hợp giao dịch trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc thực hiện qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, thì Kho bạc Nhà nước tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp; đồng thời, gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát hồ sơ theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo kết quả kiểm soát chi cho đơn vị (trong đó, nêu rõ lý do từ chối thanh toán); sau đó, xử lý thu hồi giảm trừ giá trị thanh toán vào lần thanh toán liền kề tiếp theo. Trường hợp lần thanh toán liền kề tiếp theo không đủ khối lượng công việc hoàn thành hoặc kế hoạch vốn để giảm trừ thì Kho bạc Nhà nước có văn bản yêu cầu đơn vị thực hiện thu hồi giảm chi ngân sách nhà nước (trường hợp chưa quyết toán ngân sách), thực hiện nộp ngân sách nhà nước (đối với trường hợp đã quyết toán ngân sách).

3. Số lượng hồ sơ:

Số lượng của từng thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định này là 01 bản (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y bản chính). Riêng giấy rút vốn là 02 bản gốc (trường hợp thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng hoặc trường hợp đơn vị giao dịch và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng mở tài khoản tại một đơn vị Kho bạc Nhà nước thì bổ sung thêm 01 bản gốc tương ứng với mỗi trường hợp); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy đề nghị thanh toán tạm ứng là 02 bản gốc;

Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký chữ ký số theo quy định.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Đối với các khoản tạm ứng hoặc các khoản chi thực hiện theo hình thức “*thanh toán trước, kiểm soát sau*”: trong 01 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án.

b) Đối với các khoản thanh toán: chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án.

5. Đối tượng thực hiện: các chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án của dự án sử dụng vốn đầu tư công.

6. Cơ quan giải quyết: hệ thống Kho bạc Nhà nước (trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện).

7. Kết quả thực hiện:

a) Trường hợp Kho bạc Nhà nước chấp thuận đề nghị thanh toán, tạm ứng chi phí quản lý dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án: Xác nhận của Kho bạc Nhà nước trực tiếp trên giấy rút vốn. Trường hợp chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước gửi chứng từ báo Nợ cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước để xác nhận đã thực hiện thanh toán, tạm ứng.

b) Trường hợp Kho bạc Nhà nước từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng: Kho bạc Nhà nước thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, tạm ứng của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

8. Phí, lệ phí: Không.

Điều 17: Cách thức thực hiện đối với việc kiểm soát chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước:

1. Cách thức gửi hồ sơ:

(a) Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở KBNN

(b) Gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với KBNN (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của KBNN).

2. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp thanh toán tại ngân hàng phục vụ:

Trường hợp giao dịch trực tiếp tại KBNN: chủ chương trình, dự án lập và gửi hồ sơ bằng văn bản giấy trực tiếp tại KBNN nơi giao dịch. KBNN tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, KBNN xác nhận tạm ứng, thanh toán theo đề nghị của chủ chương trình, dự án. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN lập thông báo từ chối xác nhận (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị.

Trường hợp chủ chương trình, dự án lập và gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN, KBNN tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp

lệ và các điều kiện chi, nếu theo đúng chế độ quy định, KBNN xác nhận tạm ứng, thanh toán theo đề nghị của chủ chương trình, dự án. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN lập thông báo từ chối xác nhận (trong đó nêu rõ lý do từ chối) gửi đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN.

b) Trường hợp thanh toán tại KBNN: Thực hiện theo quy định tại phần (2) thủ tục 1 Quyết định này.

3. Số lượng hồ sơ:

Số lượng của từng thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định này là 01 bản (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y bản chính). Riêng giấy rút vốn là 02 bản gốc (trường hợp thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng hoặc trường hợp đơn vị giao dịch và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng mở tài khoản tại một đơn vị Kho bạc Nhà nước thì bổ sung thêm 01 bản gốc tương ứng với mỗi trường hợp); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy đề nghị thu hồi vốn là 02 bản gốc.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày KBNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của đơn vị (riêng các khoản tạm ứng vốn thì tối đa 1 ngày làm việc)

5. Đối tượng thực hiện: Chủ chương trình, dự án của các dự án hoặc hợp phần dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát; các dự án áp dụng cơ chế cấp phát một lần, cho vay lại một phần theo tỷ lệ.

6. Cơ quan giải quyết: KBNN (TW, cấp tỉnh, cấp huyện).

7. Kết quả thực hiện:

a) Trường hợp KBNN chấp thuận đề nghị xác nhận thanh toán, tạm ứng vốn nước ngoài: Xác nhận của KBNN trực tiếp trên giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp của chủ chương trình, dự án (đối với trường hợp xác nhận tại KBNN và thanh toán tại ngân hàng); xác nhận của KBNN trực tiếp trên giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp và giấy rút vốn của chủ chương trình, dự án (đối với trường hợp thanh toán tại KBNN).

b) Trường hợp KBNN từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng vốn nước ngoài: KBNN thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, rút vốn hoặc từ chối xác nhận kiểm soát chi (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN).

8. Phí, lệ phí: Không

Mục 2**QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG
ĐẶC THÙ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****Điều 18. Đối với dự án đầu tư công bí mật nhà nước**

1. Dự án đầu tư công bí mật nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về xây dựng (không bao gồm dự án đầu tư công bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an).

2. Việc phân bổ, kiểm tra phân bổ vốn cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

3. Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán, **hồ sơ thu hồi vốn ứng trước** của dự án đầu tư công bí mật nhà nước:

a) Kế hoạch đầu tư công hàng năm của cấp có thẩm quyền giao;

b) Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);

c) **Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT), áp dụng đối với hồ sơ tạm ứng và hồ sơ thanh toán;**

d) Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi vốn tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT).

đ) **Giấy đề nghị thu hồi vốn ứng trước (Mẫu 04.c/TT).**

4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán chỉ kiểm soát về tính phù hợp, đầy đủ của giấy rút vốn, **giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng, giấy đề nghị thu hồi vốn ứng trước** theo đề nghị của chủ đầu tư mà không kiểm soát về các nội dung khác trong hồ sơ đề nghị tạm ứng, thanh toán của chủ đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của chủ đầu tư. Cơ quan chủ quản và chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc kiểm soát hồ sơ và nội dung thanh toán vốn cho dự án.

5. Việc quản lý, thanh toán, thu hồi vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau, việc thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn, xác nhận số vốn đã thanh toán trong năm, lũy kế số vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án, chấp hành các chế độ chính sách về tài chính thực hiện như đối với dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước quy định tại Mục 1 Nghị định này.

Điều 19. Đối với dự án đầu tư công bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

1. Kiểm tra phân bổ vốn:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm cho các dự án đầu tư công bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật cùng với quá trình phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi Bộ Tài chính để kiểm tra phân bổ, đồng gửi cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền làm nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán (cơ quan kiểm soát, thanh toán) để làm căn cứ giải ngân vốn.

b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định của Nghị định này, Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng quy định, Bộ Tài chính có công văn yêu cầu Bộ Quốc phòng, Bộ Công an điều chỉnh lại, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán để tạm dừng giải ngân.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư các dự án được phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã giải ngân (nếu có).

c) Nội dung phân bổ, kiểm tra phân bổ và tài liệu kèm theo việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

d) Việc nhập và phê duyệt chi tiết vốn kế hoạch cho các dự án đầu tư công bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trên Tabmis theo quy định về việc nhập và phê duyệt Tabmis cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước hiện hành.

2. Thanh toán vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ tiến độ thực hiện dự án do chủ đầu tư báo cáo, cơ quan kiểm soát, thanh toán gửi công văn đề nghị Bộ Tài chính thanh toán vốn (Mẫu số 10/CT).

b) Bộ Tài chính kiểm tra tính hợp lệ về đề nghị thanh toán vốn tại điểm a khoản này, trường hợp đảm bảo điều kiện thanh toán vốn, Bộ Tài chính lập lệnh chi tiền cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi Kho bạc Nhà nước.

c) Căn cứ lệnh chi tiền của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mở tại Kho bạc Nhà nước. Trường hợp lệnh chi tiền không hợp lệ, hợp pháp, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền, Kho bạc Nhà nước phải thông báo cho Bộ Tài chính để xử lý.

d) Đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch, số dư trên tài khoản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phải nộp trả ngân sách nhà nước (trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện). Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm giải trình về việc quản lý, sử dụng vốn

ngân sách nhà nước cho dự án đầu tư công bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công tối mật, dự án đầu tư công tuyệt mật của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3. Tạm ứng, thanh toán, **thu hồi vốn ứng trước** trong năm kế hoạch của chủ đầu tư:

a) Chủ đầu tư căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án, lập hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán để tiến hành kiểm soát, thanh toán vốn theo quy định tại Nghị định này.

b) Cơ quan kiểm soát, thanh toán tiến hành kiểm soát, thanh toán vốn cho từng dự án theo hồ sơ đề nghị của chủ đầu tư.

c) Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán, **hồ sơ thu hồi vốn ứng trước**; các quy định về tạm ứng vốn và thu hồi vốn tạm ứng; các quy định về thanh toán khối lượng hoàn thành; thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn của cơ quan kiểm soát, thanh toán được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 13 Nghị định này.

4. Quản lý, thanh toán, thu hồi vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau:

a) Khi được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước đúng danh mục và mức vốn được ứng trước.

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi phân bổ vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau đến Bộ Tài chính và cơ quan kiểm soát thanh toán để tiến hành kiểm soát, thanh toán.

c) Việc quản lý, thu hồi vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện như đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điều 12 Nghị định này. Việc kiểm tra phân bổ, chuyển tiền theo lệnh chi tiền, tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng và thanh toán vốn ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 20. Dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm

1. Dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình tạm theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.

2. Tạm ứng vốn:

a) Nguyên tắc tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, mức vốn tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

b) Hồ sơ tạm ứng vốn đối với dự án đầu tư công khẩn cấp:

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

- Lệnh hoặc văn bản cho phép xây dựng công trình khẩn cấp của cấp có thẩm quyền;

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với dự án chi lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- **Bảng tổng hợp thông tin Dự toán (nếu có) (Mẫu 02a) hoặc Bảng tổng hợp thông tin Hợp đồng (nếu có) (Mẫu 02b).** Trường hợp cần tạm ứng khi chưa có hợp đồng, dự toán thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT);

- Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT);

- Văn bản bảo lãnh tạm ứng (đối với trường hợp yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này).

c) Hồ sơ tạm ứng vốn đối với công trình tạm: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

3. Thanh toán khối lượng hoàn thành:

Thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. Hồ sơ thanh toán gồm: các hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này (trừ thành phần hồ sơ đã gửi khi làm thủ tục tạm ứng vốn).

4. Việc quản lý, tạm ứng, thanh toán, thu hồi vốn ứng trước từ dự toán ngân sách nhà nước năm sau thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định này. Riêng hồ sơ tạm ứng vốn đối với dự án đầu tư công khẩn cấp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Mục 3

QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TẠI NƯỚC NGOÀI SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 21. Kiểm tra phân bổ vốn hàng năm

1. Nội dung phân bổ và việc kiểm tra phân bổ vốn cho các dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 8 Nghị định này và theo **Mẫu số 01a.nn/PB** (đối với phân bổ vốn), **Mẫu số 01b.nn/PB** (đối với điều chỉnh phân bổ vốn).

2. Cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án đầu tư công tại nước ngoài là Kho bạc Nhà nước.

3. Cơ quan chủ quản, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trên Tabmis theo quy định hiện hành.

Điều 22. Hồ sơ pháp lý của nhiệm vụ, dự án

Cơ quan chủ quản gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung. Cụ thể:

1. Đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

2. Đối với thực hiện dự án:

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

b) Đối với dự án mua nhà, đất để làm trụ sở và nhà ở, hồ sơ bao gồm:

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Bản thoả thuận nguyên tắc về việc mua bán nhà, đất làm căn cứ thanh toán tiền đặt cọc (nếu có);

- **Bảng tổng hợp thông tin Hợp đồng mua bán nhà, đất (Chủ đầu tư lập theo hợp đồng đã ký và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng) (có chữ ký xác nhận của Chủ đầu tư và nhà thầu) (Mẫu số 02a/TT);**

- Giấy bảo lãnh tiền đặt cọc (trường hợp trong hợp đồng có quy định phải đặt cọc).

c) Đối với dự án gồm cả mua nhà, đất và xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

d) Đối với dự án đầu tư thuê nhà, đất dài hạn (trên 30 năm) để thực hiện đầu tư xây dựng:

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao;

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Văn bản thoả thuận nguyên tắc về việc thuê nhà, đất làm căn cứ thanh toán tiền đặt cọc (nếu có);

- Giấy bảo lãnh tiền đặt cọc (trường hợp trong hợp đồng có quy định phải đặt cọc);

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện (đối với trường

hợp tự thực hiện và chưa có trong quyết định hoặc văn bản giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền, **trừ trường hợp Chủ đầu tư được phép tự thực hiện theo quy định pháp luật**); văn bản giao khoán nội bộ (đối với trường hợp giao khoán nội bộ);

- Bảng tổng hợp thông tin Hợp đồng đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng (Chủ đầu tư lập theo hợp đồng đã ký và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng) (có chữ ký xác nhận của Chủ đầu tư và nhà thầu) (Mẫu số 02.a/TT);

- Bảng tổng hợp thông tin Dự toán chi phí đối với trường hợp không thực hiện theo hợp đồng (Chủ đầu tư lập theo dự toán chi phí đã được duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại Bảng) (Mẫu số 02.b/TT);

Điều 23. Tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng

1. Việc tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng cho các dự án đầu tư công tại nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

a) Trường hợp hợp đồng xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật nước sở tại và có các quy định khác với quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng hợp đồng thì thực hiện theo hợp đồng đã ký.

b) Đối với từng trường hợp cụ thể có tính chất đặc thù cần tạm ứng ở mức cao hơn mức quy định, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện tạm ứng theo đề nghị của cơ quan chủ quản nhưng không vượt vốn kế hoạch được giao trong năm của dự án.

c) Đối với từng trường hợp cụ thể có tính chất đặc thù cần tạm ứng khi chưa có đủ chứng từ tạm ứng theo quy định tại Nghị định này (theo quy định của nước sở tại), cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Tài chính để xem xét, xử lý cụ thể.

2. Hồ sơ tạm ứng:

a) Văn bản đề nghị tạm ứng vốn cho từng nội dung công việc của cơ quan chủ quản (ghi rõ số tiền, tài khoản, đơn vị thụ hưởng);

b) Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04b.nn/TT).

Điều 24. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng, **việc thanh toán được thực hiện căn cứ đề nghị của Chủ đầu tư và Bảng thông tin hợp đồng do Chủ đầu tư lập và chịu trách nhiệm (Mẫu số 02.a/TT)**. Chủ đầu tư đề nghị thanh toán căn cứ các nguyên tắc như sau:

Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định

rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

Trường hợp hợp đồng xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật nước sở tại và có các quy định khác với quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc thanh toán được thực hiện theo hợp đồng đã ký.

2. Khi có nhu cầu thanh toán vốn, chủ đầu tư gửi cơ quan chủ quản các tài liệu sau (theo từng lần thanh toán):

a) Đối với dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng (Mẫu số 03.a/TT hoặc theo mẫu xác định khối lượng được thống nhất tại hợp đồng đối với trường hợp hợp đồng tại nước ngoài), Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04a.nn/TT), Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT).

b) Đối với dự án mua nhà, đất hoặc thuê nhà, đất dài hạn (trên 30 năm): việc thanh toán (bao gồm cả thanh toán tiền đặt cọc, nếu có) được thực hiện theo hợp đồng mua bán, thuê nhà, đất, chủ đầu tư gửi cơ quan chủ quản giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04a.nn/TT).

c) Đối với dự án hỗn hợp gồm cả mua nhà, đất và xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: các tài liệu được quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này.

3. Hồ sơ thanh toán:

Trên cơ sở các tài liệu được chủ đầu tư gửi tại khoản 2 Điều này, cơ quan chủ quản lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (ghi rõ số tiền, tài khoản, đơn vị thụ hưởng) của cơ quan chủ quản cho từng nội dung công việc (Mẫu số 04b.nn/TT), Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT).

b) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT hoặc theo mẫu xác định khối lượng được thống nhất tại hợp đồng đối với trường hợp hợp đồng tại nước ngoài) đối với dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, c) Giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT) trong trường hợp cơ quan chủ quản cần thanh toán bằng Đồng Việt Nam.

d) Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ (Mẫu số 07/TT) trong trường hợp cơ quan chủ quản cần thanh toán bằng ngoại tệ.

đ) Chứng từ chuyển tiền khác (nếu có).

4. Kiểm soát, thanh toán tại cơ quan kiểm soát, thanh toán:

Tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của cơ quan chủ quản theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định

này, căn cứ vốn kế hoạch đã được giao hàng năm của dự án, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án. Tổng số vốn tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm không vượt vốn kế hoạch được bố trí trong năm cho dự án. Đối với các khoản tạm ứng vốn hoặc thực hiện thanh toán theo hình thức “thanh toán trước, kiểm soát sau” thì thời hạn kiểm soát, thanh toán trong 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

5. Thanh toán bằng ngoại tệ:

Trường hợp chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu hoặc người bán, cho thuê nhà, đất bằng ngoại tệ thực hiện như sau:

a) Thanh toán ngoại tệ từ quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước:

- Trên cơ sở kế hoạch vốn và nhu cầu chi ngoại tệ trong năm của dự án, cơ quan chủ quản lập bảng tổng hợp phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trong năm bằng Đồng Việt Nam có quy đổi ra Đô-la Mỹ theo tỷ giá do Bộ Tài chính quy định tại thời điểm giao kế hoạch được cơ quan chủ quản lập trên cơ sở nhu cầu chi ngoại tệ trong năm của các dự án thuộc phạm vi quản lý và không được vượt vốn kế hoạch được giao trong năm gửi Bộ Tài chính và cơ quan kiểm soát, thanh toán (Mẫu số 01.nn/PB).

- Trường hợp cần thanh toán bằng ngoại tệ, cơ quan chủ quản lập Giấy rút dự toán ngân sách bằng ngoại tệ (Mẫu số 07/TT) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán.

- Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được sử dụng quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thanh toán vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt thông qua thông báo của Bộ Ngoại giao. Khi cần chi ngoại tệ tại quỹ này, lập 02 liên Giấy rút vốn kiêm ghi thu ngân sách nhà nước (Mẫu số 06/TT) gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán.

b) Thanh toán bằng ngoại tệ không từ quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước: cơ quan chủ quản (hoặc chủ đầu tư) sử dụng số tiền đã được cơ quan kiểm soát, thanh toán tạm ứng, thanh toán để mua ngoại tệ từ ngân hàng để thanh toán cho đơn vị thụ hưởng. Cơ quan kiểm soát, thanh toán làm thủ tục tạm ứng, thanh toán, chuyển tiền vào tài khoản của ngân hàng thương mại mà cơ quan chủ quản đã ký hợp đồng với ngân hàng thương mại để mua ngoại tệ.

c) Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp ngoại tệ theo đề nghị của cơ quan chủ quản. Cụ thể:

- Trường hợp chi từ quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước: Cơ quan kiểm soát, thanh toán căn cứ vào phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm bằng Đồng Việt Nam có quy đổi ra Đô-la Mỹ do cơ quan chủ quản gửi đầu năm và Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ của cơ quan chủ quản theo quy định tại Nghị định này, xuất quỹ ngoại tệ tập trung để thanh toán.

- Trường hợp sử dụng quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài: Cơ quan kiểm soát, thanh toán căn cứ vào phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bằng Đồng Việt Nam có quy ra Đô-la Mỹ do cơ quan chủ quản gửi đầu năm và các liên chứng từ mà Bộ Ngoại giao đã gửi theo quy định tại Nghị định này, thực hiện kiểm tra các yếu tố, ký trên các liên chứng từ và sử dụng liên số 1 “Giấy rút vốn kiêm ghi thu ngân sách nhà nước” để ghi thu ngân sách “Tiền lệ phí lãnh sự hoặc các khoản thu khác ở nước ngoài” và hạch toán ghi chi cho Bộ Ngoại giao (tương ứng với chương, khoản, mục, tiểu mục của Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước hiện hành), liên còn lại gửi Bộ Ngoại giao để thực hiện hạch toán và thông báo cho Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài trích quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để sử dụng.

Mục 4

QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 25. Mở tài khoản

1. Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước dành để đầu tư:
 - a) Chủ đầu tư mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán vốn tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch.
 - b) Việc mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán vốn theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Đối với nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, nơi mở tài khoản để giải ngân vốn theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện kiểm soát thanh toán vốn theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

Điều 26. Quản lý, kiểm soát, thanh toán vốn

1. Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán của dự án theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.
2. Việc quản lý, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán vốn theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này.
3. Thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn của cơ quan kiểm soát, thanh toán theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

CHƯƠNG III

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH (QUYẾT TOÁN THEO NIÊN ĐỘ)

Điều 27. Nguyên tắc quyết toán theo niên độ

1. Đối với vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước lập báo cáo quyết toán theo niên độ khi kết thúc năm ngân sách.

2. Đối với vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giải ngân nguồn vốn này báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

3. Số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ phải được đối chiếu, xác nhận, đảm bảo khớp đúng giữa các cơ quan báo cáo. Cụ thể:

a) Đối chiếu, xác nhận giữa chủ đầu tư với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch về số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước đã giải ngân trong năm quyết toán khi lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi bộ, cơ quan trung ương hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý), sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý.

b) Đối chiếu, xác nhận giữa các bộ, cơ quan trung ương, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý với cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp về số liệu vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước đã giải ngân trong năm quyết toán khi lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

c) Đối với cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách cấp xã cho đầu tư công, cơ quan kiểm soát, thanh toán phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đối chiếu, bảo đảm khớp đúng số liệu giữa cơ quan kiểm soát, thanh toán và kế toán xã. Kết quả đối chiếu là cơ sở để Ủy ban nhân dân xã báo cáo quyết toán ngân sách cấp xã.

4. Số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ phải được phản ánh chi tiết theo từng cơ quan chủ quản, từng nguồn vốn, từng ngành, lĩnh vực, từng dự án (chi tiết vốn trong nước và vốn nước ngoài) theo đúng quyết định giao của cấp có thẩm quyền.

5. Các bộ, cơ quan trung ương, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư,

các chủ đầu tư, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện việc lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, chỉnh lý báo cáo quyết toán theo niên độ với nội dung, nguyên tắc, thời hạn quy định tại Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 28. Thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán khi kết thúc năm ngân sách.

2. Các khoản tạm ứng được hạch toán kế toán, quyết toán vào năm ngân sách khi đã đủ điều kiện thanh toán cho khối lượng công việc đã được giao kế hoạch trong năm được thực hiện và nghiệm thu đến hết ngày 31 tháng 12 năm quyết toán.

3. Thời hạn chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước kết thúc khi hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm quyết toán.

Điều 29. Nội dung báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tại báo cáo quyết toán theo niên độ gồm:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch năm quyết toán.

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch các năm trước được cơ quan có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm quyết toán.

2. Vốn thanh toán được quyết toán theo niên độ bao gồm:

a) Vốn kế hoạch thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được giao kế hoạch năm quyết toán (kể cả thanh toán bằng hình thức ghi thu - ghi chi, thanh toán bằng ngoại tệ) từ ngày 01 tháng 01 năm quyết toán đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau.

Trường hợp kế hoạch đầu tư công trong năm được giao có bố trí vốn kế hoạch để thu hồi số vốn kế hoạch đã được ứng trước dự toán ngân sách nhà nước cho dự án (theo kết quả giải ngân thực tế), số quyết toán là tổng số vốn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán theo niên độ đó, kể cả phần vốn thanh toán khối lượng hoàn thành của phần vốn kế hoạch ứng trước đã giải ngân trước đây chuyển sang.

b) Vốn kế hoạch thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm quyết toán đã được thực hiện từ ngày 01 tháng 02 năm quyết toán đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

c) Thanh toán khối lượng hoàn thành từ ngày 01 tháng 02 năm kế hoạch đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau các khoản đã tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm quyết toán.

d) Vốn nước ngoài đưa vào báo cáo quyết toán theo niên độ gồm: số vốn đã được ghi thu - ghi chi cho phần khối lượng hoàn thành (việc ghi thu - ghi chi theo quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài) và số vốn đã thanh toán cho phần khối lượng hoàn thành (đối với vốn nước ngoài được giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước).

3. Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi không đưa vào quyết toán. Hết thời hạn chỉnh lý quyết toán, số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại (sau khi trừ đi số nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán (nếu có) của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước) được chuyển sang năm sau để quản lý, thu hồi tạm ứng và quyết toán phần thanh toán khối lượng hoàn thành. Cơ quan tài chính không phải làm thủ tục xét chuyển.

4. Vốn ứng trước từ dự toán ngân sách nhà nước năm sau không phải báo cáo tại báo cáo quyết toán theo niên độ.

5. Thuyết minh báo cáo quyết toán theo niên độ:

a) Các bộ, cơ quan trung ương, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý), chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án):

- Báo cáo tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nước được giao trong năm quyết toán.

- Thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện, thanh toán, quyết toán vốn, tăng giảm vốn kế hoạch đầu tư công, đề xuất các biện pháp tháo gỡ.

b) Cơ quan kiểm soát, thanh toán:

- Báo cáo tổng quát đặc điểm, tình hình thanh toán, quyết toán theo niên độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

- Đề xuất và kiến nghị để tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến công tác quyết toán theo niên độ.

6. Đối với trường hợp cơ quan nhận vốn bằng hình thức lệnh chi tiền hoặc cơ quan có vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước: các bộ, cơ quan trung ương, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, chủ đầu tư, cơ quan kiểm soát, thanh toán các cấp lập thành mục riêng trong báo cáo quyết toán theo niên độ.

7. Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách và hướng dẫn các nội dung liên quan.

Điều 30. Trình tự, thời hạn lập, xét duyệt và gửi báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do bộ, cơ quan trung ương quản lý:

a) Chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án) báo cáo quyết toán theo niên độ gửi bộ, cơ quan trung ương hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) trước ngày 01 tháng 5 năm sau năm quyết toán.

b) Bộ, cơ quan trung ương xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 8 năm sau năm quyết toán.

Trường hợp bộ, cơ quan trung ương phân cấp quản lý, chủ đầu tư báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư được phân cấp quản lý; cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư và tổng hợp báo cáo quyết toán các dự án thuộc phạm vi được phân cấp quản lý gửi bộ, cơ quan trung ương để tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 8 năm sau năm quyết toán.

Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) yêu cầu chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh hoặc yêu cầu lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) yêu cầu chủ đầu tư nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng quy định.

Bộ, cơ quan trung ương thực hiện đối chiếu với cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương để xác nhận các số liệu phục vụ công tác quyết toán theo niên độ chi tiết đến từng dự án trước khi tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán theo niên độ cho Bộ Tài chính.

c) Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán; cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương trước ngày 15 tháng 5 năm sau năm quyết toán; cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 7 năm sau năm quyết toán.

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này, Bộ Tài chính thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ của từng bộ, cơ quan trung ương, đồng gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân các cấp quản lý:

a) Vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý:

- Chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực) lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý.

- Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý xét duyệt báo cáo quyết toán của chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý yêu cầu chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh những sai sót hoặc yêu cầu lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý yêu cầu chủ đầu tư nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng quy định.

- Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý thực hiện đối chiếu với cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp để xác nhận các số liệu phục vụ công tác quyết toán theo niên độ chi tiết đến

từng dự án trước khi tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán theo niên độ cho cơ quan tài chính cùng cấp.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn luật hiện hành để quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, đảm bảo thời hạn quyết toán ngân sách nhà nước.

- Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán; cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương trước ngày 15 tháng 5 năm sau năm quyết toán.

- Cơ quan tài chính tại địa phương theo phân cấp quản lý thẩm định và ra thông báo thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ gửi từng sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, chủ đầu tư và cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này; tổng hợp số liệu vào quyết toán ngân sách địa phương hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn.

Chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước của năm quyết toán, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước cho Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Sở Tài chính gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách do địa phương quản lý cho Bộ Tài chính và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương để phục vụ công tác quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.

b) Vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức và phân cấp của từng địa phương, căn cứ các quy định tại Nghị định này, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật.

Cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp huyện tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Ủy ban nhân dân

cấp xã (phân Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) và cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

Điều 31. Nội dung xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Các bộ, cơ quan trung ương, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý):

a) Kiểm tra tính đầy đủ, đúng về danh mục dự án, vốn kế hoạch và số vốn giải ngân (chi tiết tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) của từng dự án thuộc kế hoạch được giao trong năm quyết toán và thuộc kế hoạch các năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán.

b) Kiểm tra, so sánh số vốn đã giải ngân (chi tiết tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) với vốn kế hoạch của từng dự án; xác định số vốn báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau hoặc hủy bỏ.

c) Kiểm tra sự phù hợp về nguồn vốn, cơ cấu vốn, ngành, lĩnh vực của từng dự án.

d) Nhận xét về tình hình thực hiện và giải ngân vốn trong năm quyết toán, tình hình chấp hành chế độ chính sách, các nội dung, nhận xét khác (nếu có).

đ) Yêu cầu chủ đầu tư nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư chi sai chế độ.

2. Cơ quan tài chính các cấp:

a) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng về tổng số và chi tiết vốn kế hoạch, cơ cấu nguồn vốn, ngành, lĩnh vực, danh mục dự án trong báo cáo quyết toán theo niên độ của cơ quan chủ quản và báo cáo tổng hợp, chi tiết quyết toán theo niên độ của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp.

b) Kiểm tra, so sánh vốn kế hoạch, số vốn giải ngân của từng dự án giữa báo cáo quyết toán theo niên độ của các cơ quan chủ quản với báo cáo quyết toán theo niên độ của cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp; xác định số vốn được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm ngân sách sau để giữ nguồn và số kế hoạch vốn hủy bỏ.

Trường hợp giữa các báo cáo quyết toán theo niên độ (kể cả báo cáo điều chỉnh, bổ sung, giải trình) của cơ quan lập báo cáo quyết toán theo niên độ và cơ quan kiểm soát, thanh toán có chênh lệch về số liệu thì cơ quan tài chính căn cứ nội dung, số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ của cơ quan kiểm soát, thanh toán để thẩm định và thông báo quyết toán.

c) Yêu cầu cơ quan sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong năm có trách nhiệm xuất toán, thu hồi các khoản chi không đúng chế độ và nộp ngay các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

d) Các nội dung, nhận xét khác (nếu có).

CHƯƠNG IV

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 32. Ứng dụng công nghệ thông tin trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về kiểm soát, thanh toán, quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công:

1. Các nội dung công việc thực hiện trên Hệ thống:

- Báo cáo, tổng hợp nhu cầu đầu tư tại các quy hoạch, chương trình, đề án.

- Báo cáo, tổng hợp và điều chỉnh kế hoạch tài chính – ngân sách 05 năm chi đầu tư phát triển.

- Báo cáo, tổng hợp kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm chi đầu tư phát triển.

- Báo cáo, tổng hợp, giao, điều chỉnh vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước ngoài đầu tư công.

- Báo cáo tình hình giải ngân, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công, đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước ngoài đầu tư công.

- Báo cáo, tổng hợp công tác giao và nhập dự toán hàng năm chi đầu tư phát triển.

- Báo cáo, tổng hợp quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công chi đầu tư phát triển của bộ, ngành và địa phương.

2. Giao Bộ Tài chính xây dựng và hướng dẫn vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về kiểm soát, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công.

CHƯƠNG V

KIỂM TRA

Điều 33. Kiểm tra tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công

1. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tự thực hiện kiểm tra việc thực hiện dự án theo các nội dung được giao quản lý.

2. Cơ quan chủ quản, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhà thầu thực hiện dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành, tình hình thực hiện công tác quyết toán theo niên độ do đơn vị mình quản lý và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư công và ngân sách nhà nước hiện hành.

Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền, đồng thời tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính để phối hợp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra cơ quan kiểm soát, thanh toán về việc chấp hành chế độ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công. Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan tài chính cấp trên để xử lý theo thẩm quyền.

4. Bộ Tài chính định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc quản lý, thanh toán và sử dụng vốn đầu tư công, tình hình thực hiện công tác quyết toán theo niên độ, của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trường hợp phát hiện có sai sót, vi phạm, Bộ Tài chính có ý kiến yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xử lý theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 34. Xử lý vi phạm:

1. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhà thầu, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về tạm ứng, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công: Xử lý theo quy định tại các Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng; Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc Nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ; Nghị định

số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp hành vi vi phạm vượt mức xử lý vi phạm hành chính, thì được xử lý theo quy định tại các văn bản pháp luật khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI

NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 35. Nhiệm vụ của cơ quan tài chính các cấp, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Thực hiện kiểm tra phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định này. Tổng hợp vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn trong nước, vốn nước ngoài).

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra cơ quan kiểm soát, thanh toán, chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư công, tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán niên độ đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm, ra quyết định thu hồi các khoản, nội dung chi sai chế độ theo quy định hiện hành.

3. Thực hiện quy định về báo cáo thanh toán, quyết toán niên độ ngân sách đối với vốn đầu tư công theo quy định hiện hành.

4. Yêu cầu cơ quan kiểm soát, thanh toán, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách nhà nước và đầu tư công, bao gồm các tài liệu phục vụ cho công tác quản lý dự án đầu tư công, bố trí vốn kế hoạch, báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định về chế độ thông tin báo cáo, các tài liệu phục vụ thẩm tra quyết toán niên độ theo quy định của pháp luật về đầu tư công và Nghị định này.

5. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, trên cơ sở báo cáo của cơ quan kiểm soát, thanh toán, đối với các dự án thuộc các bộ, cơ quan trung ương quản lý, Bộ Tài chính có công văn đôn đốc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, thu hồi tạm ứng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước và đề nghị có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi gửi các bộ, cơ quan trung ương; đối với các dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp về biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi.

6. Ngoài những nhiệm vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này, giao Bộ Tài chính:

a) Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán **dự án sử dụng** vốn đầu tư công, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, thanh toán **dự án sử dụng** vốn đầu tư công, quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách. Trường hợp phát hiện có sai sót, **vi phạm**, yêu cầu đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra **xử lý theo thẩm quyền** hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tổ chức thực hiện việc nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trên Tabmis.

d) Tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định trong trường hợp đặc biệt cần có quy định khác các quy định tại Nghị định này về hồ sơ của dự án (hồ sơ pháp lý, hồ sơ tạm ứng, hồ sơ thanh toán), về cơ chế giải ngân (tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành).

Điều 36. Nhiệm vụ của cơ quan kiểm soát, thanh toán

1. Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đủ hồ sơ và hồ sơ đảm bảo hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Nghị định này. Có ý kiến bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các vướng mắc của chủ đầu tư trong việc thanh toán vốn.

Trường hợp phát hiện tài liệu tại hồ sơ do chủ đầu tư cung cấp trái với quy định hiện hành, cơ quan kiểm soát, thanh toán có văn bản đề nghị xem xét lại và nêu rõ ý kiến đề xuất; quá thời hạn quy định mà không được trả lời hoặc được trả lời mà thấy chưa phù hợp với quy định hiện hành, cơ quan kiểm soát, thanh toán báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền cao hơn và báo cáo cơ quan tài chính để xem xét, xử lý.

2. Đơn đốc chủ đầu tư, đơn vị, **tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư** thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng, công nợ, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện theo dõi số vốn đã tạm ứng để đơn đốc chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thu hồi ngay những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định. Được phép tạm ngừng thanh toán vốn hoặc phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng hoặc trái với quy định quản lý tài chính của nhà nước hiện hành, báo cáo Bộ Tài chính để xử lý.

3. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định tại Nghị định này và các quy định hiện hành.

4. Xác nhận số giải ngân trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án hoặc xác nhận số vốn đã thanh toán theo yêu cầu quản lý; đối với vốn ngoài nước, cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) xác nhận theo số liệu đề nghị tạm ứng, thanh toán của chủ đầu tư (chủ dự án) đã được cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp nhận.

5. Hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát, thanh toán trong hệ thống.

Điều 37. Nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan

1. Kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện quy định về quản lý, thanh toán quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

3. Công khai danh sách các dự án do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán; xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm theo quy định.

Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu thực hiện dự án sử dụng vốn đầu tư công

1. Chủ đầu tư (ban quản lý dự án):

a) Thực hiện đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý, thanh toán quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng thực hiện, đơn giá, giá trị đề nghị thanh toán, số liệu, tài liệu cung cấp cho cơ quan kiểm soát, thanh toán và các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công. **Riêng đối với kinh phí đền bù, hỗ trợ và tái định cư, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của đối tượng thụ hưởng và số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi trả cho từng đối tượng thụ hưởng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư.**

c) Chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính các cấp và cơ quan quyết định đầu tư về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

d) Kiểm tra tình hình quản lý tạm ứng, thanh toán dự án sử dụng vốn đầu tư công của các nhà thầu để có biện pháp thu hồi ngay những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định. Chịu hoàn toàn trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, thu hồi tạm ứng đối với trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trường hợp đất thu hồi, tài sản đang có tranh chấp được gửi vào tài khoản tiền gửi của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn theo quy định tại Luật Đất đai. **Chủ trì báo cáo đánh giá tình hình thực**

hiện tạm ứng vốn và thu hồi tạm ứng vốn theo quy định của Nghị định này với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch, cơ quan tài chính đồng cấp và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư.

đ) Thực hiện kê toán đơn vị chủ đầu tư. Hết năm ngân sách, lập bảng đối chiếu số liệu giải ngân vốn đầu tư công hàng năm đối với từng dự án gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 02 năm sau để xác nhận.

h) Thu hồi đề nộp về ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán thừa khi dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán có số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, số vốn đã tạm ứng theo quy định và chịu trách nhiệm về những khoản tạm ứng nhưng không thu hồi được. Thanh toán tiếp cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp theo giá trị quyết toán được phê duyệt khi có kế hoạch vốn trong trường hợp số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán cho dự án.

i) Chủ đầu tư (chủ dự án) chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng chứng từ kiểm soát chi điện tử do cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) ban hành đối với dự án đầu tư công sử dụng vốn nước ngoài.

2. Nhà thầu:

a) Lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về hợp đồng khi hoàn thành nội dung công việc trong hợp đồng; chịu trách nhiệm về số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan trong hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định.

b) Phối hợp với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết; hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã giải ngân sai chế độ quy định.

3. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của đối tượng thụ hưởng và số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi trả cho từng đối tượng thụ hưởng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư; giá trị đề nghị thanh toán, số liệu, tài liệu cung cấp cho cơ quan kiểm soát, thanh toán và các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, thanh toán vốn đầu tư công.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường, hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng.

- Có trách nhiệm thu hồi đủ số vốn đã tạm ứng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người được bồi thường, hỗ trợ.

- Chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính các cấp và cơ quan quyết định đầu tư về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các hợp đồng đã ký và đang thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì các nội dung tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành được tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được quy định trong hợp đồng. Các thủ tục tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Các hợp đồng đang trong quá trình đàm phán, chưa được ký kết trường hợp có nội dung chưa phù hợp với quy định tại Nghị định này thì báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định trên nguyên tắc bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả của dự án và không làm phương hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

3. Các quy định về quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách tại Mục 1 Chương III Nghị định này được áp dụng kể từ công tác quyết toán theo niên độ 2024.

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm .

2. Bãi bỏ các quy định:

....

Điều 41. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

HƯỚNG DẪN

I. Thông tin chung:

1. “Thông tin lần đầu” “Thông tin điều chỉnh”...: ghi bằng chữ hoặc số tiền cụ thể (tùy theo từng loại thông tin).

2. **Giá trị hợp đồng**: là giá trị mà chủ đầu tư và nhà thầu đã ký kết tại hợp đồng có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

3. **Giá trị dự toán được duyệt** (trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): là giá trị dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình.

II. Mẫu 03.a/TT:

1. **Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước**: là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng (hoặc đã tạm ứng trực tiếp cho chủ đầu tư trường hợp tự thực hiện hoặc đã tạm ứng cho các tổ chức, đơn vị thực hiện các công việc không thông qua hợp đồng) chưa được thu hồi đến cuối kỳ trước.

2. **Lũy kế giá trị đã thanh toán KLHT từ khởi công đến trước kỳ này**: là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu (trực tiếp cho chủ đầu tư trường hợp tự thực hiện hoặc cho các tổ chức, đơn vị thực hiện các công việc không thông qua hợp đồng) phần giá trị khối lượng đã hoàn thành đến cuối kỳ trước (không bao gồm số tiền đã tạm ứng).

3. **Lũy kế giá trị KLHT từ khởi công đến cuối kỳ này**: là lũy kế giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng (hoặc theo dự toán trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng) đến cuối kỳ trước cộng với giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng (hoặc theo dự toán) trong kỳ phù hợp với biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán. *Trường hợp không đủ kế hoạch vốn để thanh toán hết giá trị khối lượng đã được nghiệm thu ghi trong Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành, thì sẽ chuyển sang kỳ sau thanh toán tiếp, không phải lập lại Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành mà chỉ lập giấy đề nghị thanh toán.*

4. **Thanh toán để thu hồi tạm ứng**: là số tiền mà chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thanh toán để thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 1 Mẫu số 03a/TT) theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).

Thanh toán thu hồi tạm ứng trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng: là số tiền mà chủ đầu tư thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo dự toán còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 1 Mẫu số 03a/TT) (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).

5. **Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này**: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện thanh toán cho nhà thầu theo điều khoản

thanh toán của hợp đồng đã ký kết (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 2 Mẫu số 03a/TT). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.

Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán thực hiện thanh toán cho chủ đầu tư hoặc đơn vị thực hiện theo dự toán được duyệt (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 2 Mẫu số 03a/TT). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.

(Lưu ý: Giá trị đề nghị thanh toán lũy kế trong năm kế hoạch đến cuối kỳ này không được vượt kế hoạch vốn đã bố trí cho công việc hoặc dự án trong năm kế hoạch)

6. Lũy kế giá trị giải ngân gồm 2 phần:

- Tạm ứng: Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 1 Mẫu số 03a/TT) trừ thu hồi tạm ứng (khoản 2 Mẫu số 03a/TT) cộng phần tạm ứng (nếu có) của khoản 3 Mẫu số 03a/TT.

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: là số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết kỳ trước cộng với thu hồi tạm ứng (khoản 2 Mẫu số 03a/TT), cộng phần thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành kỳ này (khoản 3 Mẫu số 03a/TT).

7. Đơn vị tiền là ngoại tệ áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài.

III. Mẫu 03.b/TT:

1. Về phương pháp ghi chép:

Bảng kê giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện được lập cho từng dự án. Trường hợp một dự án có nhiều phương án bồi thường được duyệt thì số tiền tạm ứng từ cơ quan kiểm soát, thanh toán được thanh toán, chi trả cho các đối tượng thụ hưởng, người dân của các phương án nhưng phải thuộc cùng một dự án; cột chỉ tiêu số 2 (nội dung) **ghi theo tổng số**.

2. Về chữ ký của các thành phần tham gia:

Đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nếu việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do chủ đầu tư trực tiếp chi trả (không thông qua tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) thì phần chữ ký chỉ yêu cầu chữ ký của chủ đầu tư không yêu cầu chữ ký của tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Đối với trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện thì phần chữ ký, đóng dấu gồm: chủ đầu tư và tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Đơn vị tiền là ngoại tệ áp dụng đối với dự án đầu tư công tại nước ngoài.

IV. Mẫu số 09/QLDA

1. Cột (2): Ghi đầy đủ tên các dự án đã được trích chuyển kinh phí QLDA vào TKTG mà chưa được phân bổ để hoàn ứng hết số đã trích vào TKTG.

2. Số liệu tại cột (3) của bảng phân bổ kỳ này phải khớp đúng với số liệu tại cột (9) của bảng phân bổ chi phí QLDA của kỳ báo cáo trước.

3. Số liệu tại cột (4) là số kinh phí QLDA đã trích chuyển vào TKTG, bao gồm cả số đã trích chuyển kinh phí QLDA trong kỳ báo cáo tại cột (5).

4. Cột (7): Ghi lũy kế số chi phí QLDA phân bổ trong năm báo cáo, bao gồm cả số đề nghị phân bổ chi phí QLDA kỳ này ở cột (8).

5. Tổng số chi phí QLDA phân bổ cho từng dự án không được vượt quá tổng số kinh phí QLDA đã trích chuyển vào TKTG của dự án đó.

BẢNG THÔNG TIN VỀ HỢP ĐỒNG GỬI KHO BẠC NHÀ NƯỚC KIỂM SOÁT THANH TOÁN

Căn cứ hợp đồng ký kết (đã có hiệu lực) giữa chủ đầu tư và nhà thầu

Đơn vị: đồng, ngoại tệ

STT	Chi tiêu	Thông tin lần đầu	Thông tin điều chỉnh lần 1	Thông tin điều chỉnh lần 2	Thông tin điều chỉnh lần 3	Thông tin điều chỉnh lần 4	Thông tin điều chỉnh lần	Ghi chú
I	Thông tin chung							
1	Hợp đồng							
1.1	Số Hợp đồng							
1.2	Ngày, tháng, năm ký hợp đồng							
1.3	Loại hợp đồng							
1.4	Ngày hiệu lực của hợp đồng							
1.5	Thời gian thực hiện hợp đồng							
2	Tên Dự án/gói thầu							
2.1	Tên dự án							
2.2	Tên gói thầu (Nếu có)							
2.3	Mã dự án đầu tư							
3	Chủ đầu tư:							
3.1	Tên giao dịch							
3.2	Đại diện							
3.3	Địa chỉ:							
3.4	Tài khoản, tại NH							
3.5	Mã số thuế:							
3	Nhà thầu (liên danh, thầu phụ, liên doanh)							
3.1	Tên giao dịch:							
3.2	Đại diện							
3.3	Địa chỉ:							
3.4	Tài khoản, tại NH							
3.5	Mã số thuế							
II	Thông tin chi tiết							
1	Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng							
1.1	Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đính kèm)							
3	Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán							
3.1	Giá trị hợp đồng							
3.2	Quản lý Tạm ứng							
3.2.1	Mức vốn tạm ứng							
	Thời điểm tạm ứng lần đầu							
3.2.2	Đối với hợp đồng thi công xây dựng có GPMB: Kế hoạch GPMB hoặc biên bản bàn giao mặt bằng 1 phần hoặc toàn bộ							
3.3	Thu hồi tạm ứng							
3.3.1	Các điều khoản được quy định trong hợp đồng.							
3.4	Thanh toán							
3.4.1	Thanh toán không vượt giá trị hợp đồng, phụ lục HĐ (nếu có)							
3.5	Tạm giữ chờ QT hoàn thành dự án (nếu có)							
4	Bảo hiểm và bảo hành công trình							
4.1	Bảo hiểm							
4.2	Bảo hành công trình							
5	Quy định sử dụng chứng chỉ thanh toán tạm thời đối với dự án sử dụng vốn nước ngoài (nếu có)							

Ghi chú: Không bao gồm dự án đầu tư công bí mật nhà nước

....., ngàytháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG THÔNG TIN VỀ DỰ TOÁN... GỬI KBNN KIỂM SOÁT THANH TOÁN

(Áp dụng riêng cho từng nội dung (1) Nhiệm vụ quy hoạch; (2) Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; (3) Dự toán chi phí thực hiện dự án; (4) Chi phí quản lý dự án theo từng dự án; (5) Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư; (6) Chi phí khác)

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Tên nhiệm vụ, dự án:....

Mã dự án:...

Số Quyết định:

Ngày Quyết định:

Tổng số tiền dự toán được duyệt:

Đơn vị: đồng, ngoại tệ

stt	Nội dung công việc	Thông tin lần đầu (số tiền)	Thông tin điều chỉnh lần 1	Thông tin điều chỉnh lần 2	Thông tin điều chỉnh lần 3	Thông tin điều chỉnh lần 4	Thông tin điều chỉnh lần	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Nhiệm vụ quy hoạch							
	Công việc A							
	Công việc B							
2	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư							
	Công việc A							
	Công việc B							
3	Thực hiện dự án							
	Công việc A							
	Công việc B							
4	Chi phí Quản lý dự án theo dự án/ Chi phí quản lý dự án hằng năm theo đơn vị quản lý							
	Công việc A							
	Công việc B							
5	Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường tái định cư							
	Công việc A							
	Công việc B							
6	Chi phí khác							
	...							

....., ngàytháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG THÔNG TIN VỀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN HÀNG NĂM GỬI KBNN KIỂM SOÁT THANH TOÁN

Căn cứ dự toán hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Số Quyết định:

Ngày Quyết định:

Tổng số tiền dự toán được duyệt:

stt	Chi tiêu	Thông tin lần đầu (số tiền)	Thông tin điều chỉnh lần 1	Thông tin điều chỉnh lần 2	Thông tin điều chỉnh lần 3	Thông tin điều chỉnh lần 4	Thông tin điều chỉnh lần	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Chi phí quản lý dự án hàng năm theo đơn vị quản lý							
	Công việc A							
	Công việc B							

....., ngàytháng.....năm.

CHỦ ĐẦU TƯ

BẢNG THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN ĐÈN BÙ HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ GỬI KBNN KIỂM SOÁT THANH TOÁN

Căn cứ Phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư được tách thành dự án độc lập

stt	Chi tiêu	Thông tin lần đầu	Thông tin điều chỉnh lần 1	Thông tin điều chỉnh lần 2	Thông tin điều chỉnh lần 3	Thông tin điều chỉnh lần 4	Thông tin điều chỉnh lần	Ghi chú
1	Thông tin Dự án							
	Tên dự án							
	Mã dự án đầu tư							
2	Thông tin về phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư							
2.1	Số Quyết định							
2.2	Ngày quyết định							
2.3	Cách thức thực hiện							
2.3.1	CĐT tự thực hiện							
	Tên Chủ đầu tư							
	Đại diện							
	Địa chỉ:							
	Tài khoản:							
	Mã số thuế:							
2.3.2	CĐT chuyển tiền cho Đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường thực hiện							
	Chủ ĐT:							
*	Tên Chủ đầu tư							
	Đại diện							
	Địa chỉ:							
	Tài khoản:							
	Mã số thuế:							
*	Đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư							
	Tên Chủ đầu tư							
	Đại diện							
	Địa chỉ:							
	Tài khoản:							
	Mã số thuế:							
2.3.3	Chủ đầu tư và Đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cùng thực hiện							
*	Tên Chủ đầu tư							
	Đại diện							
	Địa chỉ:							
	Tài khoản:							
	Mã số thuế:							
*	Đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư							
	Tên Chủ đầu tư							
	Đại diện							
	Địa chỉ:							
	Tài khoản:							
	Mã số thuế:							
3	Thông tin về kinh phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư							

stt	Chỉ tiêu	Thông tin lần đầu	Thông tin điều chỉnh lần 1	Thông tin điều chỉnh lần 2	Thông tin điều chỉnh lần 3	Thông tin điều chỉnh lần 4	Thông tin điều chỉnh lần	Ghi chú
3.1	Tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư (gồm chi trả người dân và chi phí khác) (1 khoản)							
3.2	Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường tái định cư							
3.3	Chi phí khác ngoài 3.1, 3.2 (không gồm mỏ mà, đường điện): ... một số loại cp chính (phải có hướng dẫn bằng lời)							

....., ngàytháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH GỬI ĐẾN KHO BẠC NHÀ NƯỚC LÀM CƠ SỞ KIỂM SOÁT THANH TOÁN

Tên dự án:
 Mã dự án:
 Căn cứ Bảng thông tin của Hợp đồng số...
 Căn cứ Bảng thông tin Dự toán số...
 Chủ đầu tư: ...
 Nhà thầu (đơn vị thực hiện trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng):
 Thanh toán lần thứ: ...

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Giá trị hợp đồng/dự toán	Lũy kế giá trị KLHT từ khởi công đến cuối kỳ này	Lũy kế giá trị đã thanh toán KLHT từ khởi công đến trước kỳ này	Giá trị khối lượng chưa thanh toán đến trước kỳ này	Ghi chú
1		2	3	4	5	6
I	Công việc thực hiện thông qua hợp đồng					
II	Công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (không bao gồm kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; không bao gồm chi phí quản lý dự án)					
	Công việc A					
	Công việc B					
III	Chi phí đảm bảo cho việc tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Chi phí thuộc mục 3.2 Bảng thông tin về phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư
IV	Chi phí quản lý dự án					
	Công việc A					
	Công việc B					

- Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:...
- Thanh toán để thu hồi tạm ứng:..
- Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này:..... Số tiền bằng chữ.... (là số tiền đề nghị giải ngân kỳ này), trong đó:
 - Tạm ứng:
 - Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...
- Lũy kế giá trị giải ngân: ..., trong đó:
 - Tạm ứng:
 - Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU (ĐƠN VỊ THỰC HIỆN)
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN/ ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC LÀM NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG KÊ GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC ĐỀN BÙ, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ GỬI KBNN LÀM CƠ SỞ KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Tên dự án:

Mã dự án:

Cơ sở Bảng thông tin của Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số....

Đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư

Thanh toán lần thứ: ...

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		Lũy kế số tiền đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng đến trước kỳ này	Số tiền đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng trong kỳ này	Ghi chú
		Số ngày, tháng, năm	Số tiền		Tổng số	
1	2	3	4	4a	5	7
I.	Tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư (gồm chi trả người dân và chi phí khác)					Chi phí thuộc mục 3.1 Bảng thông tin về phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư
1.	Tổng số tiền thanh toán cho các cơ quan, tổ chức					
2.	Tổng số tiền thanh toán trực tiếp cho hộ dân					
II.	Chi phí khác					Chi phí thuộc mục 3.3 Bảng thông tin về phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư

....., ngàytháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC LÀM NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan kiểm soát, thanh toán).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... Mã số ĐVSDNS: ...

Năm ngân sách: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại ...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm ... (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành).

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
----------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					

Cộng tổng					
------------------	--	--	--	--	--

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
--	---------	------------	--------------------

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
- ...			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ:			
Số từ chối:			
Lý do : ...			

Ghi chú: ...

NGƯỜI THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan chủ quản).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... Mã số ĐVSDNS: ...

Năm ngân sách: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại ...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm ... (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành).

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
----------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: ngoại tệ

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi vốn tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					

Cộng tổng					
------------------	--	--	--	--	--

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

Số: ... Năm ngân sách: ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI VỐN

Tạm ứng sang thực chi Ứng trước chưa đủ điều kiện ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT

Tên dự án: ...

Chủ đầu tư: ... Mã ĐVQHNS: ...

Tài khoản: ... tại cơ quan kiểm soát, thanh toán: ...

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ... số ~~CKC, HDTH~~ ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn: ... ngày .../.../...

Và số dư tạm ứng/ứng trước của dự án: ...

Đề nghị cơ quan kiểm soát, thanh toán ... thanh toán để thu hồi số tiền đã tạm ứng /ứng trước chưa đủ ĐKTT thành thực chi /ứng trước đủ ĐKTT theo chi tiết sau:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư tạm ứng/ ứng trước	Số đề nghị thanh toán	Số cơ quan kiểm soát, thanh toán duyệt thanh toán
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ...

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên)

Ngày ... tháng ... năm
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHÂN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI:

Số tiền bằng chữ : ...

KÊ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHÂN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI

Nợ TK: ...
Có TK: ...
Mã ĐBHC: ...

CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN

Kính gửi: ... (cơ quan kiểm soát, thanh toán).

Tên dự án, công trình: ... Mã dự án đầu tư: ...

Chủ đầu tư/Ban QLDA: ... Mã số ĐVSDNS: ...

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn ... tại: ...

- Vốn ... tại ...

- ...

Căn cứ hợp đồng số: ... ngày ... tháng ... năm ... Phụ lục bổ sung hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số: ... ngày ... tháng ... năm ... (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành).

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán: ... đồng.

Số tiền đề nghị: ...	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
----------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: ...

Thuộc kế hoạch: ... năm ...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ...

Bằng chữ: ...

Trong đó:

- Thanh toán đề thu hồi tạm ứng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

- Thuế giá trị gia tăng: ...

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số): ...

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số): ...

+ Vốn trong nước: ...

+ Vốn nước ngoài: ...

Tên đơn vị thụ hưởng: ...

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: ... tại: ...

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
--	---------	------------	--------------------

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
- ...			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ:			
Số từ chối:			
<i>Lý do : ...</i>			

Ghi chú: ...

NGƯỜI THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI ỨNG TRƯỚC VỐN ĐẦU TƯ

Mẫu số 04.c/TT

Số: Năm NS:

Ứng trước chưa đủ ĐKTT sang tạm ứng

Ứng trước đủ ĐKTT sang thực chi

Căn cứ số dư ứng trước kinh phí đầu tư thuộc kế hoạch năm đến ngày .../.../..... và Quyết định giao kế hoạch vốn số:ngày của

Đề nghị Kho bạc Nhà nước chuyển Ứng trước chưa đủ ĐKTT / Ứng trước đủ ĐKTT thành Tạm ứng / Thực chi theo chi tiết sau:

Tên dự án:

Chủ đầu tư: Mã ĐVQHNS:

Tài khoản: Tại KBNN:

Tên CTMT, DA:

..... Mã CTMT, DA: Số CKC, HĐK: Số CKC, HĐTH:

STT	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư ứng trước	Số chuyển sang tạm ứng/thực chi
Tổng cộng							

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ...thángnăm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Tổng số tiền ghi bằng số:

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

.....

Nợ TK
Có TK
Nợ TK
Có TK
Mã ĐBHC:

Ngày ... tháng ... năm

KẾ TOÁN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY RÚT VỐN

Thực chi Tạm ứng Chuyển khoản
 Ứng trước đủ điều kiện thanh toán Tiền mặt tại ...
 Ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán Tiền mặt tại ...

Năm ngân sách:
 Tên dự án: ...
 Chủ đầu tư: ... Mã ĐVQHNS: ...
 Tài khoản: ... Tại cơ quan kiểm soát, thanh toán: ...
 Tên CTMT, DA: ...
 Mã CTMT, DA: ... Số CKC, HĐK: ...
 Số CKC, HĐTH ... Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ... ngày ... / ... / ...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ...
 Trong đó:
NỘP THUẾ:
 Tên đơn vị (Người nộp thuế): ...
 Mã số thuế: ... Mã NDKT: ... Mã chương: ...
 Cơ quan quản lý thu: ... Kỳ thuế: ...
 Cơ quan kiểm soát, thanh toán hạch toán khoản thu: ...
 Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ): ...
THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG
 Đơn vị nhận tiền: ...
 Địa chỉ: ...
 Tài khoản: ... Mã CTMT, DA và HTCT: ...
 Tại cơ quan kiểm soát, thanh toán (NH): ...
 Hoặc người nhận tiền: ...
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...
 Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ): ...

PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI
1. Nộp thuế:
Nợ TK: ...
Có TK: ...
Nợ TK: ...
Có TK: ...
Nợ TK: ...
Có TK: ...
Mã CQ thu: ...
Mã ĐBHC: ...
2. Thanh toán cho ĐV hưởng:
Nợ TK: ...
Có TK: ...
Nợ TK: ...
Có TK: ...
Nợ TK: ...
Có TK: ...
Mã ĐBHC: ...

Ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI LĨNH TIỀN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
 (Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
 Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ QUÝ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
 (Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI
Chuyển khoản Tiền mặt tại KB
Tiền mặt tại NH
Lập ngày ... tháng ... năm

Mẫu số 05.b/TT

Đơn vị trả tiền:
Địa chỉ:
Tại Kho bạc Nhà nước:
Tài khoản:
Mã nhà tài trợ:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NS	Niên độ NS	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng			

Tổng số tiền ghi bằng chữ:
Đơn vị nhận tiền:
Địa chỉ:
Tài khoản:
Tại Kho bạc Nhà nước (NH):
Hoặc người nhận tiền:
Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày.... tháng ... năm
Thủ Kế Kế toán Giám
quỹ toán trưởng đốc

Ngày ... tháng ... năm ...
Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN
Ngày tháng ... năm ...
Kế toán Chủ tài khoản
trưởng (Ký, ghi họ tên,
(Ký, ghi họ đồng dấu)
tên)

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI (ngoại tệ)
Chuyển khoản
Tiền mặt tại ngân hàng
Lập ngày ... tháng ... năm ...

Mẫu số 05.c/TT

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Tài khoản:

Mã nhà tài trợ:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NSNN	Niên độ NS	Số tiền	
			Nguyên tệ	VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng:				

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:

Tổng số tiền VND ghi bằng chữ:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản: Tại KBNN(NH):

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

KBNN A GHI:

Nợ TK:

Có TK:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày..... tháng ... năm

Thủ
quý

Kế
toán

Kế toán
trưởng

Giám
đốc

Ngày ... tháng ...
năm ...

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày tháng ... năm ...

Kế toán
trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên,
đồng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI
Lập ngày ... tháng ... năm ...

Mẫu số 05.d/TT

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Tài khoản:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NSNN	Niên độ NS	Tổng số tiền	Chia ra	
				Nộp thuế	TT cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)
Tổng cộng:					

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế):

Mã số thuế:..... Mã NDKT:..... Mã chương:.....

Số Tờ khai/Quyết định/Thông báo:

Kỳ thuế/Ngày Tờ khai/Quyết định/Thông báo:

Cơ quan quản lý thu:Kỳ thuế

KBNN hạch toán khoản thu

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ):

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền:.....

Địa chỉ:.....

Tài khoản:Tại Kho bạc Nhà nước (NH):

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ):

.....

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày ... tháng ... năm

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày ... tháng ... năm

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 05.e/TT

ỦY NHIỆM CHI

(Dùng trong trường hợp chủ dự án đề nghị trích tài khoản ngoại tệ thanh toán cho nhà cung cấp bằng loại tiền khác)

Chuyển khoản Tiền mặt tại KB

Tiền mặt tại NH

Lập ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị trả tiền:.....

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Nội dung thanh toán	Số tiền
Tổng cộng	

Tổng số tiền đề nghị thanh toán ghi bằng chữ:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước (NH):

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày...tháng...năm...

Ngày...tháng...năm...
Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHÂN KBNN GHI:

Tỷ giá: Số tiền theo nguyên tệ:
Số tiền nguyên tệ bằng chữ:

KBNN A GHI:
Nợ TK:
Có TK:

Kế toán

Ngày.... tháng..... năm
Kế toán trưởng

Giám đốc

Không ghi vào
khu vực này

BỘ NGOẠI GIAO
GIẤY RÚT VỐN KIỂM THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng trong trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)

Thực chi

Tạm ứng

Ứng trước đủ đk thanh toán Ứng trước chưa đủ đk thanh toán

Năm ngân sách: ...

Tên dự án: ...

Chủ đầu tư: ...

Tài khoản: ... tại ... (cơ quan kiểm soát, thanh toán)

Tên CTMT, DA: ...

Mã CTMT, DA: ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ... ngày .../.../...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KH	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
								Nguyên tệ	Quy ra VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng:									

Đồng thời ghi thu ngân sách nhà nước chi tiết như sau:

Cơ quan quản lý khoản thu: ...

Mã chương: ... Mã số thuế: ... Kỳ nộp phí, lệ phí: ...

Nội dung	Mã NDKT	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
				Nguyên tệ	Quy ra VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng:					

PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Nợ TK: ...	
Có TK: ...	
Mã ĐBHC: ...	
Mã CQT: ...	

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ: ...

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ: ...

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN
(Ký, ghi họ tên,
chức vụ, đóng dấu)

BỘ NGOẠI GIAO

Ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN
TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên,
chức vụ, đóng dấu)

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẰNG NGOẠI TỆ

Không ghi vào
khu vực này

Thực chi Tam ứng Chuyển khoản
Tiền mặt

Đơn vị rút dự toán: ...
Tài khoản: ...
Tại (cơ quan kiểm soát, thanh toán): ...
Năm ngân sách: ...
Tên CTMT, DA: ...
Mã CTMT, DA: ...
Số CKC, HDTH: ... Số CKC, HĐK: ...
Người lĩnh tiền: ...
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...
Nội dung chi: ...

**PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN GHI**
Mã ĐBHC: ...
1. Nợ TK: ...
 Có TK: ...
2. Nợ TK: ...
 Có TK: ...
Tỷ giá hoạch toán: ...

Chi tiết	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền bằng ngoại tệ	Số tiền quy ra VNĐ
Tiền mặt:							
Phí ngân hàng:							
Tiền chuyển khoản							
Số tài khoản: ...							
Tên tài khoản: ...							
Tại ngân hàng: ...					SWIFT: ...		
Tên ngân hàng trung gian: ...					SWIFT: ...		
Tổng cộng:							

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ: ...
Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ: ...

Phần cơ quan kiểm soát, thanh toán duyệt chi:

Kính gửi: Ngân hàng ...

(Cơ quan kiểm soát, thanh toán) đề nghị Ngân hàng ...
Trích tài khoản số: ... của (cơ quan kiểm soát, thanh toán) ...
Số tiền nguyên tệ ghi bằng số: ...
Ghi bằng chữ: ...

Chi tiết	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền nguyên tệ	Số tiền quy ra VNĐ
Tiền mặt:			
Phí ngân hàng:			
Tiền chuyển khoản			
Số tài khoản: ...			
Tên tài khoản: ...			
Tại ngân hàng: ... SWIFT: ...			
Tên ngân hàng trung gian: ... SWIFT: ...			
Tổng cộng			

Nội dung chi: ...

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN **KẾ TOÁN** **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ **TRƯỞNG** **KIỂM SOÁT, THANH TOÁN**
họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày ... tháng ... năm ...

KẾ TOÁN **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**
TRƯỞNG (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)
(Ký, ghi họ tên)

**CHỦ ĐẦU TƯ, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC LÀM
NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÀI
ĐỊNH CỨ**

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TẠM ỨNG VÀ THU HỒI VỐN TẠM ỨNG

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Lũy kế số dư tạm ứng chưa thu hồi đến thời điểm báo cáo	Trong đó						Đề xuất hướng xử lý thu hồi tạm ứng
			Số tiền đang gửi tại Ngân hàng thương mại	Tổng số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi	Số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi				
					Nguyên nhân chưa thu hồi				
					Ban Quản lý dự án/Chủ đầu tư giải thể	Nhà thầu phá sản	Dự án đình hoãn, không thực hiện	Nguyên nhân khác (ghi cụ thể)	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ								
	Dự án...								
	Dự án...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TẠM ỨNG VÀ THU HỒI VỐN TẠM ỨNG

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Lũy kế số dư tạm ứng đến thời điểm báo cáo	Trong đó						Đề xuất hướng xử lý thu hồi tạm ứng
				Số tiền đang gửi tại Ngân hàng thương mại	Số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi				Đề xuất hướng xử lý thu hồi tạm ứng	
					Tổng số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi	Nguyên nhân chưa thu hồi				
					Ban Quản lý dự án/Chủ đầu tư giải thể	Nhà thầu phá sản	Dự án đình hoãn, không thực hiện	Nguyên nhân khác (ghi cụ thể)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ									
1	Nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ)									
2	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ									
A	Nguồn vốn thuộc bộ, cơ quan trung ương quản lý									
	BỘ/CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG...									
I	Nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ)									
	Dự án...									
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ									
	Dự án...									
B	Nguồn vốn do địa phương quản lý									
	TỈNH/THÀNH PHỐ ...									
I	Nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ)									
	Dự án...									
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ									
	Dự án...									

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ/ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ...

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN HOÀN TẠM ỨNG CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...)

Đơn vị: đồng

STT	Dự án	Số kinh phí QLDA còn lại chưa phân bổ kỳ trước chuyển sang	Số kinh phí QLDA trích chuyển vào TKTG trong năm báo cáo		Phân bổ chi phí QLDA			Số kinh phí QLDA còn lại cuối kỳ chưa phân bổ
			Tổng số	Trong đó: trong kỳ báo cáo	Lũy kế số đã phân bổ cho dự án đến cuối kỳ trước	Trong năm báo cáo		
						Tổng số	Trong đó: Giá trị đề nghị phân bổ kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3+5-8
	TỔNG SỐ							
1	Dự án A							
2	Dự án B							
	...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

